

LỜI NÓI ĐẦU

Cùng với sự phát triển của các ngành công nghiệp khác, ngành công nghiệp thực phẩm cũng đang trên đà phát triển với sản lượng ngày càng tăng, phần lớn đã đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Có thể nói các sản phẩm tạo ra từ ngành công nghiệp này luôn gắn liền với cuộc sống của con người và mang lại nhiều tiện lợi khi sử dụng. Cùng với sự phát triển của ngành công nghệ thực phẩm nói chung thì ngành công nghiệp sản xuất bia nói riêng đã khẳng định được mình và ngày càng đứng vững trên thị trường trong nước.

Bia là một loại đồ uống đặc biệt bổ dưỡng, có độ cồn thấp ($3 \div 5\%V$), giàu dinh dưỡng, có CO_2 khoảng ($3 \div 4g/l$) có tác dụng giải nhiệt, có các chất đạm, chất khoáng, vitamin bổ dưỡng cơ thể và cung cấp một lượng calo khá lớn đặc biệt là nhóm enzym kích thích tiêu hoá.

Được sản xuất từ các loại nguyên liệu chính là đại mạch thơm mầm, hoa houblon và nước với một quy trình khá đặc biệt, cho nên bia có các tính chất cảm quan hấp dẫn đối với con người và ngày càng trở nên thông dụng trong đời sống hàng ngày. Trong những năm gần đây sản lượng bia được tiêu thụ ở nước ta có mức tăng trưởng khá cao, từ năm 1993 đến nay ngành công nghiệp sản xuất bia là một trong những ngành có nhịp độ tăng trưởng nhanh và mang lại lợi nhuận đáng kể ở Việt Nam. Để đáp ứng nhu cầu đó thì việc xây dựng và mở rộng các nhà máy bia có quy mô vừa và nhỏ càng trở nên cấp thiết.

Hơn nữa trong cơ chế thị trường mở cửa và ngày càng hội nhập, doanh nghiệp phải chấp nhận và đứng vững trong cạnh tranh. Muốn chiến thắng trong cạnh tranh doanh nghiệp phải luôn tạo ra và duy trì các lợi thế cạnh tranh, chất lượng và sự khác biệt hóa, giá cả và tốc độ cung ứng. Do đó việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh là mục tiêu xuyên suốt của mọi doanh nghiệp.

Qua tìm hiểu tình hình công ty kết hợp với kiến thức đã được trang bị trong quá trình học tập đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của Ts. Nghiêm Sĩ Thương cho nên em chọn đề tài: “ Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh ở Công Ty Cổ Phần Bia Tây Âu”.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Đề tài gồm 4 chương:

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

CHƯƠNG 2: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH Ở CÔNG TY BIA TÂY ÂU.

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY BIA TÂY ÂU.

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY BIA TÂY ÂU.

Để hoàn thành đồ án này, ngoài sự cố gắng của bản thân, em còn được sự dạy bảo hết lòng của các thầy cô trong suốt quá trình học tập và sự giúp đỡ tận tình của thầy cô hướng dẫn. Em xin gửi lời cảm ơn trân thành tới các thầy cô Khoa Quản Trị kinh doanh - Trường đại học Dân lập Hải Phòng nói chung và đặc biệt là Ts. Nghiêm Sĩ Thương đã hướng dẫn em trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành đồ án này. Cuối cùng, em xin cảm ơn ban lãnh đạo và các phòng ban của Công ty Cổ phần bia Tây Âu đã giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành đồ án này!

Hải Phòng, Ngày ... Tháng... Năm

Sinh viên

Nguyễn Thị Hường

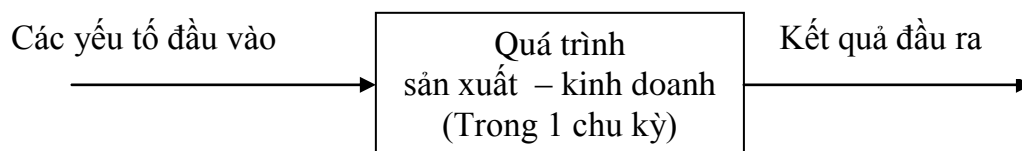
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1. Giới thiệu chung

1.1.1. Khái niệm về hiệu quả kinh doanh

Hiệu quả sản xuất kinh doanh là phạm trù kinh tế phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực như: Nhân lực, vật lực, tài lực của doanh nghiệp để đạt được kết quả cao nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh với tổng chi phí là thấp nhất.

Doanh nghiệp chỉ có thể đạt hiệu quả cao khi việc sử dụng các yếu tố cơ bản của quá trình kinh doanh có hiệu quả.



Các yếu tố đầu vào như: Lao động, vốn, máy móc, Thiết bị, nguyên vật liệu, nhiên vật liệu.

Kết quả đầu ra sau một quá trình sản xuất kinh doanh là: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu bán hàng, lợi nhuận, số sản phẩm tính bằng hiện vật.

Đối với các doanh nghiệp để đạt được mục tiêu sản xuất kinh doanh cần phải chú trọng đến điều kiện nội tại, phát huy năng lực hiệu quả của các yếu tố sản xuất. Yêu cầu của việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh là phải sử dụng các yếu tố đầu vào hợp lý nhằm đạt hiệu quả tối đa với chi phí tối thiểu. Tuy nhiên để có thể hiểu rõ bản chất của hiệu quả ta có thể rút ra khái niệm về hiệu quả như sau: Hiệu quả là sự so sánh giữa kết quả đầu ra và yếu tố nguồn lực đầu vào. Sự so sánh ở đây có thể là so sánh tương đối và so sánh tuyệt đối. Với kết quả đầu ra biểu hiện bằng giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, còn yếu tố nguồn lực đầu vào là lao động, chi phí, tài sản và nguồn vốn.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Có khá nhiều cách thức tiếp cận hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và do vậy, có nhiều chỉ tiêu khác nhau phản ánh hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, về mặt tổng quát, để đo lường và đánh giá hiệu quả kinh doanh, các nhà phân tích thường sử dụng các chỉ tiêu sau:

– *Sức sản xuất:*

Sức sản xuất là chỉ tiêu phản ánh một đơn vị yếu tố đầu vào đem lại mấy đơn vị kết quả sản xuất đầu ra. Trị số của chỉ tiêu này tính ra càng lớn, chứng tỏ hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào càng cao, kéo theo hiệu quả kinh doanh càng cao. Ngược lại, trị số của chỉ tiêu này tính ra càng nhỏ sẽ phản ánh hiệu quả sử dụng các yếu tố thấp, dẫn đến hiệu quả kinh doanh không cao.

$$\text{Sức sản xuất} = \frac{\text{Đầu ra phản ánh kết quả sản xuất}}{\text{Yếu tố đầu vào}}$$

Tùy theo mục đích phân tích, tử số chỉ tiêu “sức sản xuất” có thể sử dụng một trong các chỉ tiêu như: Tổng giá trị sản xuất, doanh thu thuần bán hàng...; Còn yếu tố đầu vào bao gồm lao động, tư liệu lao động, đối tượng lao động, vốn chủ sở hữu, vốn vay, ...

– *Sức sinh lợi:*

Sức sinh lợi (hay khả năng sinh lời) là chỉ tiêu phản ánh một đơn vị yếu tố đầu vào hay một đơn vị đầu ra phản ánh kết quả sản xuất đem lại mấy đơn vị lợi nhuận. Trị số của chỉ tiêu “sức sinh lợi” tính ra càng lớn, chứng tỏ khả năng sinh lợi càng cao, kéo theo hiệu quả kinh doanh càng cao. Ngược lại, trị số của chỉ tiêu này tính ra càng nhỏ, chứng tỏ khả năng sinh lợi càng thấp, dẫn đến hiệu quả kinh doanh không cao

$$\text{Sức sinh lợi} = \frac{\text{Đầu ra phản ánh lợi nhuận}}{\text{Yếu tố đầu vào}}$$

Như vậy, khi đánh giá hiệu quả kinh doanh, chúng ta không chỉ dừng lại ở việc đánh giá kết quả mà còn đánh giá chất lượng tạo ra kết quả đó. Trong cơ chế thị trường, doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế kết hợp các yếu tố đầu vào để kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Tuy nhiên lợi nhuận của doanh nghiệp chỉ được xem là có hiệu quả khi nó không ảnh hưởng đến lợi ích của nền kinh tế, đến toàn xã hội. Hoạt động của mọi doanh nghiệp thể hiện ở hai chức năng là sản xuất và thương mại hay còn là hoạt động kinh doanh.

Hiệu quả kinh doanh chính là chênh lệch giữa kết quả mang lại và những chi phí bỏ ra. Tiêu chuẩn của hiệu quả là tối đa hóa kết quả hoặc tối thiểu hóa chi phí trên nguồn thu sẵn có. Nó phản ánh trình độ tổ chức, quản lý điều hành kinh doanh của doanh nghiệp. Hiệu quả là thước đo ngày càng quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của mỗi doanh nghiệp nói riêng cũng như của toàn bộ nền kinh tế của mỗi khu vực, quốc gia nói chung. Hiệu quả kinh doanh càng cao càng có điều kiện mở rộng và phát triển sản xuất, đầu tư tài sản cố định, nâng cao mức sống của công nhân viên, thực hiện tốt nghĩa vụ với nhà nước.

1.1.2. Phân biệt kết quả và hiệu quả

1.1.2.1. Kết quả

Kết quả là số tuyệt đối, trong bất kỳ hoạt động nào của con người cũng cho ta một kết quả nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là những sản phẩm mang lại lợi ích tiêu dùng cho xã hội (sản phẩm vật chất hay phi vật chất). Những sản phẩm này phù hợp với lợi ích kinh tế và trình độ văn minh xã hội được người tiêu dùng chấp nhận.

Ví dụ: Trong hoạt động sản xuất kinh doanh sau một chu kỳ kinh doanh có được kết quả như sau: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu bán hàng, số sản phẩm tính bằng hiện vật.

Như vậy Kết quả là biểu hiện quy mô của một chỉ tiêu thực lực của một đơn vị sản xuất trong một kỳ kinh doanh nào đó chẳng hạn như: Giá trị tổng sản

lượng, doanh thu bán hàng, số sản phẩm tính bằng hiện vật... Tuy nhiên, các kết quả của hoạt động kinh doanh chỉ nói lên bản chất bên trong của nó nhưng chưa thể hiện mối quan hệ giữa nó và các chỉ tiêu khác. Do đó, khi đánh giá chất lượng hoạt động kinh doanh, nếu dùng một chỉ tiêu kết quả thì sẽ trở nên phiến diện, không đầy đủ vì vậy để so sánh và đánh giá chất lượng hoạt động kinh doanh chúng ta cần phải so sánh các chỉ tiêu kết quả với nhau để có chỉ tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh.

1.1.2.2. Hiệu quả

Khi so sánh các chỉ tiêu kết quả với nhau và với các yếu tố đầu vào thì cho ta một chỉ tiêu hiệu quả như: Lợi Nhuận/Doanh Thu, Lợi Nhuận/Vốn, Lợi Nhuận/Chi Phí.

Hệ thống chỉ tiêu tổng quát:

+ Hiệu quả tuyệt đối = Kết quả đầu ra – Chi Phí đầu vào.

Nếu chỉ tiêu này lớn hơn 1 hay kết quả đầu ra lớn hơn chi phí đầu vào thì công ty làm ăn có hiệu quả và ngược lại.

Nếu chỉ tiêu này bằng 0 hay kết quả đầu ra bằng chi phí đầu vào thì hòa vốn.

+ Hiệu quả tương đối.

$$\text{Hiệu quả tương đối} = \frac{\text{Kết quả đầu ra}}{\text{Chi phí đầu vào}}$$

1.1.3. Phân loại hiệu quả kinh doanh

Hiệu quả là một phạm trù lớn mang tính tổng hợp vì vậy trong việc tiếp cận, phân tích và đánh giá chỉ tiêu này cần nhận thức rõ về tính đa dạng các chỉ tiêu hiệu quả và phân loại các chỉ tiêu hiệu quả theo các căn cứ sau:

Căn cứ vào nội dung và tính chất của các kết quả nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của mục tiêu, người ta phân biệt hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

+ *Hiệu quả kinh tế*: Là mối quan hệ giữa kết quả sản xuất và kinh tế đạt được so với chi phí bỏ ra trong việc sử dụng các nguồn lực. Tức là hiệu quả kinh tế là tác dụng của lao động xã hội đạt được trong quá trình sản xuất và kinh doanh, cũng như quá trình tái tạo sản xuất xã hội trong việc tạo ra của cải vật chất và các dịch vụ.

+ *Hiệu quả xã hội*: Hiệu quả xã hội đạt được trong kinh doanh biểu thị qua việc đóng góp của doanh nghiệp với nền kinh tế của đất nước dưới dạng tổng quát là việc thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước. Khi doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, lợi ích xã hội mà doanh nghiệp mang lại thể hiện trên các khía cạnh sau:

- Tăng sản phẩm xã hội
- Nâng cao chất lượng hàng hóa, hạ giá thành
- Tạo việc làm cho nhiều lao động
- Tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước

Căn cứ theo yêu cầu tổ chức xã hội và tổ chức quản lý kinh tế của các cấp quản lý trong nền kinh tế quốc dân. Phân loại hiệu quả kinh tế theo cấp hiệu quả của ngành nghề, tiềm lực và theo những đơn vị kinh tế bao gồm:

- + Hiệu quả kinh tế quốc dân; Hiệu quả kinh tế vùng (địa phương).
- + Hiệu quả kinh tế sản xuất xã hội khác.
- + Hiệu quả kinh tế khu vực phi sản xuất.
- + Hiệu quả kinh tế các doanh nghiệp (được quan tâm nhất).
- + Hiệu quả kinh tế theo nguồn lực sử dụng.

1.1.4. Khái niệm về phân tích hiệu quả kinh doanh

Phân tích thường được hiểu như là sự chia nhỏ sự vật, hiện tượng trong mối quan hệ hữu cơ giữa các bộ phận cấu thành sự vật, hiện tượng đó. Trong khi

ở lĩnh vực tự nhiên, sự phân chia đó được tiến hành với các phương tiện cụ thể thì ở lĩnh vực kinh tế xã hội các hiện tượng cần phân tích chỉ tồn tại bằng những khái niệm trừu tượng nên việc phân tích cũng phải bằng các phương pháp trừu tượng.

Phân tích hoạt động kinh doanh hiểu theo nghĩa chung nhất là quá trình nghiên cứu tất cả các hiện tượng có liên quan trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động kinh doanh. Quá trình phân tích được tiến hành từ bước khảo sát thực tế đến tư duy trừu tượng, tức là từ quan sát, thu nhận xử lý thông tin số liệu, tìm nguyên nhân đến đề ra các hoạt động cũng như các giải pháp thực hiện nó.

Quá trình phân tích cũng như các kết luận của nó bao giờ cũng chứa đựng hai tính chất: Tính khoa học khách quan và tính nghệ thuật chủ quan. Thước đo cuối cùng xác nhận sự đúng đắn, chân lý của các kết luận phân tích là thực tế, là các quá trình diễn biến trong thực tế cũng như kết quả thu nhận được trong thực tế. Đối tượng của phân tích hoạt động kinh doanh là quá trình và kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, với sự tác động của các nhân tố kinh tế.

1.1.5. Vai trò của phân tích hiệu quả kinh doanh

Phân tích hoạt động kinh doanh chiếm một vị trí quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

+ Phân tích hiệu quả kinh doanh là công cụ quản lý kinh tế có hiệu quả.

+ Phân tích hoạt động kinh doanh nhằm đánh giá, xem xét việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế như thế nào, những mục tiêu đặt ra được thực hiện đến đâu, tồn tại là gì, nguyên nhân là do đâu và đề ra biện pháp khắc phục tận dụng triệt để thế mạnh của doanh nghiệp. Điều này có nghĩa phân tích hoạt động kinh doanh không phải chỉ là điểm kết thúc một chu kỳ kinh doanh mà còn là điểm khởi đầu cho một hoạt động kinh doanh mới.

+ Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với quá trình hoạt động của doanh nghiệp và có tác dụng giúp doanh nghiệp chỉ đạo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh như: Sản xuất, tổ chức, mua bán, tài chính...

Phân tích hiệu quả kinh doanh có ý nghĩa hết sức to lớn đối với mỗi doanh nghiệp. Nó là công cụ quản lý hiệu quả, là cơ sở cho những quyết định quan trọng, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp.

1.2. Các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh

Cơ sở phương pháp luận của phân tích hoạt động kinh tế là chủ nghĩa duy vật biện chứng. Do vậy việc phân tích phải thể hiện các điểm sau:

- Nghiên cứu các đối tượng phân tích trong thế vận động và phát triển.
- Nghiên cứu các đối tượng phân tích trong mối quan hệ nhân quả, lý giải các nguyên nhân, nhân tố tác động đến các đối tượng đó cũng như sự hoạt động tương hỗ giữa các nhân tố, các hiện tượng kinh tế có liên quan.
- Nghiên cứu đối tượng phân tích một cách đầy đủ, toàn diện với sự sử dụng các chỉ tiêu, các công thức nhằm lượng hóa hiện tượng được phân tích theo một logic chặt chẽ.

Cơ sở lý luận của phân tích hoạt động kinh doanh là kinh tế học vĩ mô, kinh tế học vi mô và kinh tế học chuyên ngành. Khi phân tích một đối tượng cụ thể, cần phải nắm các đặc trưng nhất của đối tượng đó, các đặc trưng của ngành, của nơi mà đối tượng đó được hình thành và phát triển.

Để có thể đạt được mục đích của phân tích có thể sử dụng các phương pháp phân tích khác nhau và mỗi phương pháp đều có thế mạnh và hạn chế của nó. Sau đây là các phương pháp thường sử dụng trong quá trình phân tích hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.1. Phương pháp so sánh

Đây là phương pháp lâu đời nhất và được áp dụng rộng rãi nhất. So sánh trong phân tích kinh tế là đối chiếu các chỉ tiêu, các hiện tượng kinh tế đã được lượng hóa có cùng một nội dung, một tính chất tương tự nhau. Vì vậy, để tiến hành so sánh phải giải quyết các vấn đề cơ bản như xác định số gốc để so sánh, xác định điều kiện so sánh, mục tiêu so sánh. Dựa vào đối tượng so sánh mà phương pháp so sánh được chia thành các loại:

- So sánh các số liệu thực hiện với các chỉ tiêu định mức hay kế hoạch nhằm đánh giá mức độ biến động so với mục tiêu đề ra
- So sánh các số liệu thực tế giữa các kỳ, các năm giúp ta nghiên cứu nhịp độ biến động, tốc độ tăng trưởng của hiện tượng.
- So sánh số liệu thực hiện với các thông số kỹ thuật – kinh tế trung bình hoặc tiên tiến nhằm đánh giá được mức độ phấn đấu của doanh nghiệp.
- So sánh số liệu của doanh nghiệp mình với số liệu của các doanh nghiệp khác tương đương hoặc đối thủ cạnh tranh giúp ta nhận định được mặt mạnh, mặt yếu của doanh nghiệp.
- So sánh các thông số kỹ thuật – kinh tế của các phương án kinh tế khác nhau nhằm lựa chọn các phương án tối ưu.

Ưu điểm lớn nhất của phương pháp so sánh là cho phép tách ra được những nét chung, nét riêng của các hiện tượng được so sánh, trên cơ sở đó đánh giá được các mặt phát triển hay kém phát triển, hiệu quả hay kém hiệu quả để tìm ra các giải pháp quản lý hợp lý và tối ưu trong mỗi trường hợp cụ thể.

Nguyên tắc khi áp dụng phương pháp so sánh là:

- Các chỉ tiêu hay kết quả tính toán phải tương đương nhau về nội dung và cách xác định.
- Trong phân tích so sánh có thể so sánh số tuyệt đối, số tương đối và số bình quân.

+ **Số tuyệt đối:** Là số tập hợp trực tiếp từ các yếu tố cấu thành hiện tượng kinh tế được phản ánh. Ví dụ: Tổng sản lượng, tổng chi phí lưu thông, tổng lợi nhuận,... Phân tích bằng số tuyệt đối cho thấy được khối lượng quy mô của hiện tượng kinh tế. Các số tuyệt đối được so sánh phải có cùng một nội dung phản ánh, cách tính toán xác định, phạm vi, kết cấu và đơn vị đo lường của hiện tượng, vì thế, dung lượng ứng dụng tuyệt đối trong phân tích so sánh nằm trong một khuôn khổ nhất định.

+ **Số tương đối:** Là số biểu thị dưới dạng số phần trăm, số tỷ lệ hoặc hệ số. Sử dụng số tương đối có thể đánh giá được sự thay đổi kết cấu các hiện tượng kinh tế, đặc biệt trong phép liên kết các chỉ tiêu không tương đương để phân tích so sánh. Chẳng hạn thiết lập mối quan hệ giữa hai chỉ tiêu khối lượng hàng hóa tiêu thụ và lợi nhuận để suy diễn, nếu tăng khối lượng hàng hóa lên 1% thì có thể tăng tổng lợi nhuận lên 1%. Tuy nhiên số tương đối không phản ánh được chất lượng bên trong cũng như quy mô của hiện tượng kinh tế. Bởi vậy, trong nhiều trường hợp, khi so sánh cần kết hợp đồng thời cả số tuyệt đối lẫn số tương đối.

+ **Số bình quân:** Là số phản ánh mặt chung nhất của hiện tượng, bỏ qua sự phát triển không đồng đều của các bộ phận cấu thành hiện tượng kinh tế. Số bình quân có thể biểu thị dưới dạng số tuyệt đối (năng suất lao động bình quân, vốn lưu động bình quân...). Cũng có thể biểu thị dưới dạng số tương đối (tỷ suất phí bình quân, tỷ suất doanh lợi...). Sử dụng số bình quân cho phép nhận định tổng quát về hoạt động kinh tế của doanh nghiệp, xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật...

1.2.2. Phương pháp thay thế liên hoàn

Thay thế liên hoàn là thay thế lần lượt số liệu gốc hoặc số liệu kế hoạch bằng số liệu thực tế của nhân tố ảnh hưởng tới một chỉ tiêu kinh tế được phân tích theo đúng logic quan hệ giữa các nhân tố.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Giả sử chỉ tiêu A có mối quan hệ với 2 nhân tố, mỗi quan hệ đó có thể biểu hiện dưới dạng hàm số:

$$A = f(X, Y)$$

Và $A_0 = f(X_0, Y_0)$

$$A_1 = f(X_1, Y_1)$$

Để tính toán ảnh hưởng của các nhân tố X và Y tới chỉ tiêu A, ta thay thế lần lượt X, Y. Lúc đó giả sử thay thế nhân tố X trước Y ta có :

- Mức độ ảnh hưởng của nhân tố X đến chỉ tiêu A :

$$\Delta X = f(X_1, Y_0) - f(X_0, Y_0)$$

- Mức độ ảnh hưởng của nhân tố Y đến chỉ tiêu A :

$$\Delta Y = f(X_1, Y_1) - f(X_1, Y_0)$$

Có thể nhận thấy bằng cách tương tự như trên nếu ta thay nhân tố Y trước, nhân tố X sau, ta có :

$$\Delta X = f(X_0, Y_1) - f(X_0, Y_0)$$

$$\Delta Y = f(X_1, Y_1) - f(X_0, Y_1)$$

Như vậy, khi trình tự thay thế khác nhau, có thể thu được các kết quả khác nhau về mức ảnh hưởng của cùng một nhân tố tới cùng một chỉ tiêu. Đây là nhược điểm nổi bật của phương pháp này.

Xác định trình tự thay thế liên hoàn hợp lý là một yêu cầu khi sử dụng phương pháp này. Trình tự thay thế liên hoàn trong các tài liệu thường được quy định như sau :

- Nhân tố số lượng thay thế trước, nhân tố chất lượng thay thế sau.
- Nhân tố ban đầu thay thế trước, nhân tố thứ phát thay thế sau.
- Nhân tố nguyên nhân thay thế trước, nhân tố hệ quả thay thế sau.

1.2.3. Phương pháp liên hệ

Mọi kết quả kinh doanh đều có mối liên hệ với nhau giữa các mặt, các bộ phận ... Để lượng hóa các mối liên hệ đó trong phân tích kinh doanh còn sử dụng phương pháp liên hệ cân đối, liên hệ trực tuyến và liên hệ phi tuyến.

Liên hệ cân đối : Là phương pháp mô tả và phân tích các hiện tượng kinh tế khi giữa chúng tồn tại mối quan hệ cân bằng hoặc là phải tồn tại sự cân bằng.

Ví dụ như :

- Giữa tài sản với nguồn vốn hình thành
- Giữa các nguồn thu với các nguồn chi
- Giữa nhu cầu sử dụng vốn với khả năng thanh toán
- Giữa nguồn huy động vốn với nhu cầu sử dụng vốn ...

Liên hệ trực tuyến : Là mối liên hệ theo một hướng xác định giữa các chỉ tiêu phân tích, ví dụ : Lợi nhuận có quan hệ với lượng hàng bán ra, giá bán có quan hệ ngược chiều với giá thành...

1.2.4. Phương pháp đồ thị

Phương pháp này mô tả và phân tích các hiện tượng kinh tế dưới nhiều dạng khác nhau của đồ thị: Biểu đồ tròn, các đường cong của đồ thị. Ưu điểm của phương pháp này là tính khái quát cao, thường được dùng khi mô tả và phân tích các hiện tượng kinh tế tổng quát, trừu tượng.

1.2.5. Phương pháp phân tổ

Phương pháp phân tổ là sự phân chia các bộ phận, cấu thành của hiện tượng được phân tích theo dấu hiệu cơ bản của hiện tượng đó. Đây là phương pháp thống kê, được áp dụng rộng rãi trong phân tích kinh tế đặc biệt là kinh tế vĩ mô. Phương pháp phân tổ cho phép nghiên cứu các hiện tượng trong mối liên kết tương quan hoặc phụ thuộc, tách ra từ những tác dụng ảnh hưởng tới chỉ tiêu được phân tích những nhân tố xác định hơn, tìm ra những quy luật và xu hướng

đặc trưng cho các hiện tượng kinh tế... Phương pháp này còn dùng để thăm dò nghiên cứu thị trường hàng hóa, phân nhóm bạn hàng, khách hàng...

1.3. Hệ thống các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh

Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp là một vấn đề phức tạp, có quan hệ với tất cả các yếu tố trong quá trình sản xuất kinh doanh. Do đó để đánh giá chính xác, có cơ sở khoa học hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cần phải xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phù hợp bao gồm các chỉ tiêu tổng hợp và các chỉ tiêu bộ phận.

1.3.1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh tổng quát

Nhóm chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn bộ hoạt động, toàn bộ các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

$$\text{Hiệu quả sản xuất kinh doanh} = \frac{\text{Giá trị của kết quả đầu ra}}{\text{Giá trị của các yếu tố đầu vào}}$$

Kết quả đầu ra được đo bằng các chỉ tiêu như: Tổng doanh thu thuần, giá trị sản lượng, tổng lợi nhuận và lợi nhuận thuần, lợi tức gộp... Các yếu tố đầu vào: Lao động, chi phí, tài sản và nguồn vốn...

Chỉ tiêu này phản ánh mức sản xuất hay sức sinh lời của các chỉ tiêu phản ánh đầu vào, chỉ tiêu này đặc trưng cho kết quả nhận được trên một đơn vị tính chi phí và yêu cầu chung là cực đại hóa.

1.3.2. Các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh tổng hợp

Tỷ suất lợi nhuận theo nguồn vốn kinh doanh: Được tính bằng cách lấy lợi nhuận so với vốn kinh doanh đã bỏ ra. Chỉ tiêu này cho thấy hiệu quả sử dụng một đồng nguồn vốn kinh doanh bỏ ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận. Nó có tác dụng khuyến khích việc quản lý chặt chẽ, tiết kiệm đồng vốn trong mỗi khâu của quá trình kinh doanh. Chỉ tiêu này được xác định bằng công thức:

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn kinh doanh} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng nguồn vốn kinh doanh bình quân trong kỳ}}$$

Tỷ suất lợi nhuận theo doanh thu: Chỉ tiêu này được so sánh giữa phần lợi nhuận mà doanh nghiệp đạt được và doanh thu tiêu thụ. Nó cho biết cứ một đồng doanh thu đạt được thì tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này được xác định bằng công thức:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận trong kỳ}}{\text{Doanh thu trong kỳ}}$$

1.3.3. Nhóm chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh bộ phận

Bên cạnh các chỉ tiêu hiệu quả tổng hợp phản ánh khái quát và cho phép kết luận về hiệu quả kinh tế của toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh, phản ánh trình độ sử dụng tất cả các yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất trong một thời kỳ nhất định, người ta còn sử dụng các chỉ tiêu bộ phận để phân tích hiệu quả kinh tế của từng mặt hoạt động, từng yếu tố cụ thể. Các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh bộ phận đảm nhận 2 chức năng sau:

- Phân tích có tính chất bổ sung cho chỉ tiêu tổng hợp để trong một số trường hợp kiểm tra và khẳng định rõ kết luận được rút ra từ các chỉ tiêu tổng hợp.
- Phân tích hiệu quả của từng mặt hoạt động, hiệu quả sử dụng từng yếu tố sản xuất kinh doanh nhằm tìm biện pháp tối đa hóa chỉ tiêu hiệu quả kinh tế tổng hợp, đây là chức năng chủ yếu của chỉ tiêu này.

1.3.3.1. Hiệu quả sử dụng lao động

Trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, thì con người được xem như là một yếu tố quan trọng nhất. Sử dụng lao động có hiệu quả sẽ làm tăng khối lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, việc đánh giá hiệu quả lao động trong doanh nghiệp là hết

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

sức cần thiết. Để đánh giá về tình hình lao động, người ta thường dùng các chỉ tiêu sau:

$$\text{Sức sản xuất của lao động} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng lao động bình quân}}$$

$$\text{Sức sinh lợi của lao động} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tổng lao động bình quân}}$$

Đây là cặp chỉ tiêu phản ánh tương đối đầy đủ về hiệu quả sử dụng lao động trong kỳ của doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, để có thể đánh giá toàn diện về hiệu quả sử dụng lao động, người ta còn sử dụng các chỉ tiêu khác như hiệu suất sử dụng thời gian lao động. Các chỉ tiêu này cho phép đánh giá hiệu quả sử dụng lao động và sử dụng số lượng thời gian lao động hiện có, giảm lượng lao động dư thừa, nâng cao hiệu suất sử dụng lao động trong doanh nghiệp.

1.3.3.2 Hiệu quả sử dụng tài sản

a. Hiệu quả sử dụng tổng tài sản

Tài sản của doanh nghiệp là toàn bộ phương tiện vật chất và phi vật chất phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho hoạt động kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra của doanh nghiệp.

***) Sức sản xuất của tổng tài sản**

$$\text{Sức sản xuất của tài sản} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tài sản bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho thấy mỗi đồng tài sản đã mang lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng doanh thu. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng tài sản càng có hiệu quả.

***) Suất sinh lời của tổng tài sản**

Chỉ tiêu này cho thấy cứ một đồng tài sản sẽ mang lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng lợi nhuận trong kỳ. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng tài sản càng có hiệu quả. Chỉ tiêu này được xác định bằng công thức sau:

$$\text{Suất sinh lời của tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tài sản bình quân}}$$

b. Hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn

***) Sức sản xuất của tài sản ngắn hạn**

$$\text{Sức sản xuất của tài sản ngắn hạn} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tài sản ngắn hạn bình quân}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh trong mỗi kỳ nhất định tài sản ngắn hạn luân chuyển được bao nhiêu vào hay mỗi đồng tài sản ngắn hạn tham gia vào quá trình kinh doanh sẽ tạo được bao nhiêu đồng doanh thu. Chỉ tiêu này có thể sử dụng để so sánh giữa các kỳ của một đơn vị hoặc giữa các đơn vị cùng quy mô trong một thời kỳ.

***) Sức sinh lời của tài sản ngắn hạn**

$$\text{Sức sinh lời của tài sản ngắn hạn} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tài sản ngắn hạn bình quân}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh mỗi đồng vốn bỏ vào đầu tư tài sản ngắn hạn thì sẽ mang lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn càng lớn.

c. Hiệu quả sử dụng tài sản cố định

Tài sản cố định là bộ phận tài sản phản ánh năng lực sản xuất hiện có, trình độ tiến bộ khoa học kỹ thuật và trình độ trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật của

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

doanh nghiệp. Tài sản cố định là điều kiện cần thiết để giảm nhẹ sức lao động và nâng cao năng suất lao động.

***) Sức sản xuất của tài sản cố định**

$$\text{Sức sản xuất của tài sản cố định} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tài sản cố định bình quân}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh mỗi đồng vốn bỏ vào đầu tư tài sản cố định thì sẽ mang lại cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng doanh thu.

***) Sức sinh lời của tài sản cố định**

$$\text{Sức sinh lời của tài sản cố định} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tài sản cố định bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho thấy cứ một đồng vốn chủ sở hữu doanh nghiệp bỏ ra thì sẽ thu lại được bao nhiêu lợi nhuận sau thuế trong kỳ. Đây là chỉ tiêu quan trọng nhất của người chủ doanh nghiệp. Nó phản ánh hiệu quả của việc đầu tư.

1.3.3.3. Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được hình thành từ khi thành lập doanh nghiệp và bổ sung trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Vốn chủ sở hữu phản ánh sức mạnh về tài chính cũng như sức mạnh chung của doanh nghiệp. Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tăng chứng tỏ doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh, có vị trí cao hơn trên thị trường và ngày càng có điều kiện mở rộng kinh doanh từ nguồn vốn của chính bản thân doanh nghiệp.

***) Sức sản xuất của vốn chủ sở hữu**

$$\text{Sức sản xuất của vốn CSH} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Chỉ tiêu sức sản xuất của vốn chủ sở hữu phản ánh khả năng hiệu quả của việc đầu tư từ mỗi đồng vốn chủ sở hữu thì doanh nghiệp sẽ thu được bao nhiêu đồng doanh thu.

***) Sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu**

$$\text{Sức sinh lợi của vốn CSH} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Chỉ tiêu sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu cho thấy cứ một đồng vốn chủ sở hữu doanh nghiệp bỏ ra thì sẽ thu lại được bao nhiêu lợi nhuận sau thuế trong kỳ. Đây chính là chỉ tiêu ROE và là chỉ tiêu quan trọng nhất đối với người chủ doanh nghiệp.

***) Vòng quay khoản phải thu**

$$\text{Vòng quay khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Khoản phải thu bình quân}}$$

Phản ánh tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của DN. Vòng quay khoản phải thu càng lớn thể hiện hiệu quả sử dụng vốn càng cao.

***) Vòng quay hàng tồn kho.**

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

Số vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hóa tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ.

Số vòng quay hàng tồn kho càng cao thì việc kinh doanh được đánh giá càng tốt, bởi lẽ doanh nghiệp chỉ đầu tư cho hàng tồn kho thấp nhưng vẫn đạt được doanh số cao.

Trong trường hợp không có thông tin về giá vốn hàng bán thì có thể thay thế bằng doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khi đó thông tin về hàng tồn kho sẽ có chất lượng kém hơn.

1.3.3.4. Hiệu quả sử dụng chi phí

Chi phí kinh doanh là một phạm trù kinh tế quan trọng. Đó là tất cả các chi phí tồn tại và phát sinh gắn liền với quá trình hoạt động kinh doanh từ khâu hình thành và tồn tại doanh nghiệp, đến khâu tạo ra sản phẩm và tiêu thụ xong.

Hiệu quả sử dụng chi phí đồng nghĩa với việc doanh nghiệp có thể mang lại bao nhiêu đồng doanh thu hay bao nhiêu đồng lợi nhuận từ một đồng chi phí.

***) Sức sản xuất của chi phí**

$$\text{Sức sản xuất của chi phí} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng chi phí}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh mỗi đồng chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra thì sẽ thu về được bao nhiêu đồng doanh thu.

***) Sức sinh lời của chi phí**

$$\text{Sức sinh lời của chi phí} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tổng chi phí}}$$

Qua những phân tích trên đây, ta có thể hệ thống các chỉ tiêu cơ bản đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp tại bảng 1.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Bảng 1. Hệ thống chỉ tiêu chính đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

STT	Chỉ tiêu	Cách xác định
I	Hiệu quả sử dụng lao động	
1	Sức sản xuất của lao động	Doanh thu
		Tổng lao động
2	Sức sinh lời của lao động	Lợi nhuận
		Tổng lao động
II	Hiệu quả sử dụng tài sản	
1	Sức sản xuất của tài sản	Doanh thu
		Tài sản bình quân
2	Sức sinh lời của tài sản	Lợi nhuận
		Tài sản bình quân
3	Sức sản xuất của tài sản ngắn hạn	Doanh thu
		Tài sản ngắn hạn bình quân
4	Sức sinh lợi của tài sản ngắn hạn	Lợi nhuận
		Tài sản ngắn hạn bình quân
5	Sức sản xuất của tài sản dài hạn	Doanh thu
		Tài sản dài hạn bình quân
6	Sức sinh lợi của tài sản dài hạn	Lợi nhuận
		Tài sản dài hạn bình quân
7	Sức sản xuất của tài sản cố định	Doanh thu
		Tài sản cố định bình quân
8	Sức sinh lợi của tài sản cố định	Lợi nhuận
		Tài sản cố định bình quân
III	Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu	
1	Sức sản xuất của vốn chủ sở hữu	Doanh thu
		Vốn chủ sở hữu bình quân
2	Sức sinh lời của vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận
		Vốn chủ sở hữu bình quân
IV	Hiệu quả sử dụng chi phí	
1	Sức sản xuất của chi phí	Doanh thu
		Tổng chi phí
2	Sức sinh lời của chi phí	Lợi nhuận
		Tổng chi phí

1.4. Cơ sở phân tích

Để có thể phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cần dựa vào các số liệu về kinh doanh trong hai năm gần nhất như:

- Kết quả kinh doanh: Doanh thu, lợi nhuận
- Các yếu tố khác của doanh nghiệp như: Cơ cấu lao động, tài sản, chi phí ...
- Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh.

1.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh

Hiệu quả kinh doanh trong các doanh nghiệp là một chỉ tiêu chất lượng tổng hợp, nó liên quan tới các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó nó chịu tác động của nhiều nhân tố khác nhau. Trong đó, chỉ tiêu về doanh số bán hàng và tổng chi phí ảnh hưởng mạnh và trực tiếp tới hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các nhân tố đó có thể tác động đến hai chỉ tiêu một cách tích cực hoặc tiêu cực hoặc có tính hai mặt tùy từng thời điểm. Vì vậy các doanh nghiệp cần nghiên cứu nhân tố này để phát huy hay hạn chế sự tác động của nó đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, từ đó làm cơ sở để đề ra đường lối, chính sách thích hợp.

1.5.1. Các nhân tố bên ngoài doanh nghiệp

1.5.1.1. Thị trường cạnh tranh

Mối quan hệ giữa các doanh nghiệp cùng ngành và cùng sản xuất một ngành hàng hoặc một nhóm hàng, có thể trở thành bạn hàng của nhau trong kinh doanh, giúp nhau về vốn, kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm. Nhưng ngược lại, các doanh nghiệp này cũng có thể trở thành đối thủ cạnh tranh của nhau trên thị trường đầu vào và đầu ra.

Đối với thị trường đầu vào: Doanh nghiệp muốn tăng lợi nhuận, đồng nghĩa với việc tăng hiệu quả buộc doanh nghiệp phải tìm mọi giải pháp để giảm chi phí, nhất là chi phí vật tư, nguyên vật liệu bằng cách mua chúng trực tiếp từ người sản xuất, tránh nhập theo nhiều khâu trung gian và thực hiện việc so sánh giá cả cũng như chất lượng từ các nhà cung cấp để có quyết định đúng đắn.

Đối với thị trường đầu ra: Trong nền kinh tế thị trường, giá cả sản phẩm thuộc nhân tố khách quan, nó phụ thuộc vào nhu cầu tiêu dùng. Do đó doanh nghiệp phải xây dựng các chính sách giá cả hợp lý, linh hoạt, thúc đẩy doanh số bán hàng, chiếm lĩnh thị trường và tăng hiệu quả. Nếu doanh nghiệp định giá cao hơn thị trường thì tất yếu sức mua hàng hóa đó sẽ giảm vì còn vô số kẻ cạnh tranh với những doanh nghiệp đang bán những sản phẩm tương tự, có chất lượng tương đương hoặc kém hơn một chút và cũng có thể là tốt hơn. Ngược lại, nếu doanh nghiệp định giá quá thấp thì hiệu quả kinh doanh sẽ bị ảnh hưởng.

1.5.1.2. Nhân tố tiêu dùng

Nhân tố này chịu sự tác động của giá cả, chất lượng sản phẩm, thu nhập, thói quen và thị hiếu của người tiêu dùng. Nhưng bản thân nhân tố sức mua và cấu thành sức mua chịu ảnh hưởng của nhân tố số lượng và cơ cấu mặt hàng sản xuất. Mỗi một sản phẩm của doanh nghiệp có hiệu quả riêng nên nhân tố sức mua và cấu thành sức mua cũng khác nhau, làm cho hiệu quả chung của doanh nghiệp cũng thay đổi. Nếu sản xuất kinh doanh các mặt hàng phù hợp với nhu cầu, có hiệu quả, chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ mặt hàng của doanh nghiệp thì hiệu quả của doanh nghiệp cũng tăng lên. Do vậy, đòi hỏi doanh nghiệp phải nghiên cứu kỹ nhân tố này để đưa ra một kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp lý, đạt hiệu quả cao nhất.

1.5.1.3. Nhân tố tài nguyên môi trường

Tài nguyên môi trường cũng có ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh rất lớn đối với nền kinh tế. Nếu nguồn tài nguyên dồi dào sẽ làm cho giá nguyên vật liệu rẻ, chi phí sản xuất giảm, dẫn đến giá thành sản phẩm giảm và làm tăng lợi nhuận, tăng khả năng cạnh tranh và làm cho hiệu quả kinh tế sẽ cao hơn. Bên cạnh những thuận lợi về tài nguyên mang lại cũng có lúc nó ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp như chi phí khắc phục hậu

quả thiên tai, chi phí an toàn lao động, giá nguyên vật liệu tăng do tài nguyên thiên nhiên khan hiếm cũng làm cho hiệu quả kém đi.

1.5.1.4. Các chế độ, chính sách của nhà nước

Từ khi nhà nước thay đổi cơ chế, chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý và điều tiết của nhà nước, phát triển đất nước theo định hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa, bộ mặt kinh tế có nhiều thay đổi. Các doanh nghiệp trong nước có thể liên doanh, liên kết với nước ngoài mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, các chính sách đầu tư thông thoáng hơn. Mục tiêu phát triển doanh nghiệp phải gắn chặt với lợi ích kinh tế - xã hội của đất nước.

Một trong những công cụ chính của nhà nước để điều tiết nền kinh tế là các chính sách tài chính, tiền tệ, tín dụng, luật pháp. Đó là hệ thống các nhân tố tác động trực tiếp hay gián tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nếu chính sách lãi suất tín dụng quy định mức lãi suất quá cao sẽ gây cản trở cho việc vay vốn của doanh nghiệp và làm tăng chi phí vốn, lợi nhuận giảm, hiệu quả sản xuất kinh doanh giảm.

1.5.2. Các nhân tố bên trong doanh nghiệp

1.5.2.1. Bộ máy quản lý

Quản trị kinh doanh ở các doanh nghiệp là việc tổ chức bộ máy quản lý và tổ chức sản xuất sao cho hợp lý.

Nhân tố quản trị liên quan trực tiếp đến việc lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức thực hiện kinh doanh hay nói cách khác là liên quan đến toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp muốn có bộ máy quản trị tốt phải có một đội ngũ cán bộ trình độ học vấn cao, không những nắm vững được kiến thức về tổ chức, quản lý và kinh doanh mà còn phải nắm bắt được xu hướng biến động về nhu cầu tiêu dùng, thích ứng với cơ chế thị trường, phải có khả năng nhìn xa trông rộng, khả năng tiên đoán, phân tích các tình huống để hoạch định cho mình một bước đi trong tương lai.

Hơn nữa, việc lựa chọn bộ máy quản trị phù hợp với từng doanh nghiệp, từng loại hình kinh doanh, đảm bảo nguyên tắc gọn nhẹ, thống nhất linh hoạt sẽ giúp cho quá trình sản xuất trôi chảy, có thể kết hợp với các nguồn lực đầu vào tối ưu nhất, từ đó nâng cao hiệu quả.

1.5.2.2. Nhân tố lao động

Lao động là chủ thể trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Mọi nỗ lực đưa khoa học kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại vào sản xuất để nâng cao hiệu quả kinh doanh đều do con người tạo ra và thực hiện chúng. Song để đạt được điều đó đội ngũ nhân viên lao động cũng cần phải có một lượng kiến thức chuyên môn ngành nghề cao, góp phần vào ứng dụng trong sản xuất tốt, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng trên thị trường mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.

1.5.2.3. Vốn kinh doanh

Vốn kinh doanh cũng là một yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của mọi doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp có nguồn vốn kinh doanh lớn nó sẽ là cơ sở cho doanh nghiệp mở rộng hoạt động kinh doanh của mình. Vốn là nền tảng, là cơ sở cho doanh nghiệp hoạt động, góp phần đa dạng hóa phương thức kinh doanh, đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa mặt hàng, xác định đúng chiến lược thị trường. Ngoài ra vốn còn giúp cho doanh nghiệp đảm bảo độ cạnh tranh cao và giữ ưu thế lâu dài trên thị trường.

1.5.2.4. Trang thiết bị kỹ thuật

Ngày nay, có lẽ công nghệ là nguồn thay đổi năng động nhất trong tương lai. Sự thay đổi này mang lại những thách thức cũng như những đe dọa đối với các nhà doanh nghiệp, đòi hỏi phải có nguồn chi lớn bỏ ra cho công nghệ mới, phải có một đội ngũ cán bộ có trình độ cao, tư duy tốt, tiếp cận tốt với công nghệ mới. Nhưng bù lại nhờ có công nghệ mới, cho ta những sản phẩm mới thay thế các sản phẩm cũ, nhờ đó con người được giải phóng sức lao động, năng suất tăng lên rất nhiều lần trong cùng một thời gian, dẫn tới tăng hiệu quả. Mặt khác

trang thiết bị kỹ thuật không những đáp ứng cho khách hàng sản phẩm tốt, hình dáng đẹp, không xâm hại đến sức khỏe mà còn thỏa mãn những nhóm khách hàng đòi hỏi sản phẩm có tính đặc biệt.

1.6. Phương hướng, biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh

Việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh là mục tiêu cơ bản của mọi doanh nghiệp. Vì nó là điều kiện cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại trong điều kiện bình thường thì hoạt động sản xuất kinh doanh ít nhất cũng phải bù đắp các chi phí bỏ ra. Còn doanh nghiệp muốn phát triển thì kết quả kinh doanh chẳng những phải bù đắp những chi phí mà còn phải dư thừa để tích lũy cho quá trình tái sản xuất mở rộng.

Tuy nhiên hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chịu sự tác động tổng hợp của nhiều yếu tố, nhiều khâu, cho nên muốn nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh phải giải quyết tổng hợp, đồng bộ nhiều vấn đề, nhiều biện pháp có hiệu lực. Trước hết các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải luôn giải quyết tốt những vấn đề cơ bản sau:

- Nắm bắt nhu cầu thị trường và khả năng đáp ứng của doanh nghiệp để xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp nhất.
- Chuẩn bị các điều kiện, yếu tố cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh, cho sản phẩm chất lượng cao và hạ giá thành sản phẩm.
- Tổ chức quá trình tiêu thụ để đạt doanh thu lớn nhất với chi phí thấp và trong thời gian ngắn nhất

Tóm lại, hiệu một cách đơn giản thì nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh là:

- Tăng kết quả đầu ra.
- Giảm các nguồn lực đầu vào.

=> Để làm được điều này thì ta có các biện pháp sau:

1.6.1. Đối với nhóm chỉ tiêu hiệu quả sử dụng lao động

Các biện pháp nhằm tăng hiệu quả sử dụng lao động là:

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

- Thực hiện giảm biên chế sắp xếp lại sản xuất và lao động.
- Nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn hóa cho cán bộ và công nhân viên, tận dụng thời gian làm việc đảm bảo thực hiện các định mức lao động.
- Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.
- Thực hiện chế độ thưởng phạt, đảm bảo khuyến khích vật chất nhằm phát huy hết năng lực người lao động.

1.6.2. Đối với nhóm chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn

- Tăng tốc độ luân chuyển vốn.
- Phân đầu sử dụng một cách hợp lý và tiết kiệm trên tất cả các khâu dự trữ.
- Đối với vốn cố định (tài sản cố định) phải tận dụng hết thời gian và công suất của đồng vốn (tài sản). Muốn vậy việc đầu tiên cần xác định trên cơ cấu vốn cố định, hợp lý theo hướng tập trung vốn cho máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ thực hiện hiện đại hóa thiết bị và ứng dụng trong công nghệ tiên tiến.

1.6.3. Giảm chi phí

Giá thành sản phẩm có một chỉ tiêu chất lượng quan trọng có tính chất tổng hợp phản ánh chất lượng của các hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong sản xuất kinh doanh việc phân đầu hạ giá thành sản phẩm có ý nghĩa quan trọng đối với việc tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Để hạ giá thành sản phẩm doanh nghiệp cần thực hiện tốt các chỉ tiêu sau:

- Sử dụng các yếu tố đầu vào một cách hợp lý.
- Xác định chế độ khấu hao tài sản một cách thích hợp.
- Giảm chi phí trả lãi vay.
- Giảm chi phí quản lý.

Để làm rõ những vấn đề được học, liên hệ với tình hình thực tế tại công ty em sẽ vận dụng lý thuyết nêu ở trên để phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Qua đó đánh giá được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Cổ Phần Bia Tây Âu trong thời gian qua.

CHƯƠNG 2: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY BIA TÂY ÂU

2.1. Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp

Nhằm góp phần vào việc nâng cao sản lượng cũng như chất lượng bia cung cấp cho thành phố, tháng 12 năm 2003 công ty Bia Tây Âu được thành lập và có tên gọi là Công Ty Cổ Phần Bia Tây Âu. Nhà máy được xây dựng trên cơ sở cũ của nhà máy bia Lan Hương. Đây là một dây chuyền thiết bị công nghệ hiện đại tự động hoá cao, nhà xưởng được thiết kế hiện đại, các công đoạn sản xuất được thiết kế hợp lý giảm thiểu tối đa sức lao động của con người.

Bia Tây Âu được sản xuất trên dây chuyền thiết bị đời mới nhất theo tiêu chuẩn Châu Âu về thiết kế chế tạo, nhập khẩu và lắp đặt. Hầu hết các công đoạn được tự động hoá do các kỹ sư chuyên ngành điều khiển và kiểm soát qua hệ thống vi tính trung tâm .

Công ty cổ phần Bia Tây Âu Được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 0203000659 ngày 17 tháng 12 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA TÂY ÂU**

Trụ sở: Số 189 Hàng Kênh – Lê Chân - Hải Phòng.

Điện thoại: 0313.853.123 Hoặc 0313.849.605

Fax: 0313.8496405

Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: Chủ tịch HĐQT – Giám Đốc: Vũ Thị Ngọc Lan

Vốn điều lệ: 32.000.000.000 VNĐ.

Tài khoản giao dịch số: 7829649 tại Ngân Hàng quốc Tế Á Châu (ACB).

Mã số thuế: 0200573456

Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 – 2000. Được cấp chứng chỉ năm 2004 do tổ chức TUV NORD Cộng Hoà Liên Bang Đức.

2.2. Chức năng và nhiệm vụ của doanh nghiệp

2.2.1. Các lĩnh vực kinh doanh

Ngành nghề chính là Sản xuất kinh doanh Bia.

Ngành nghề phụ là Kinh doanh và dịch vụ ăn uống.

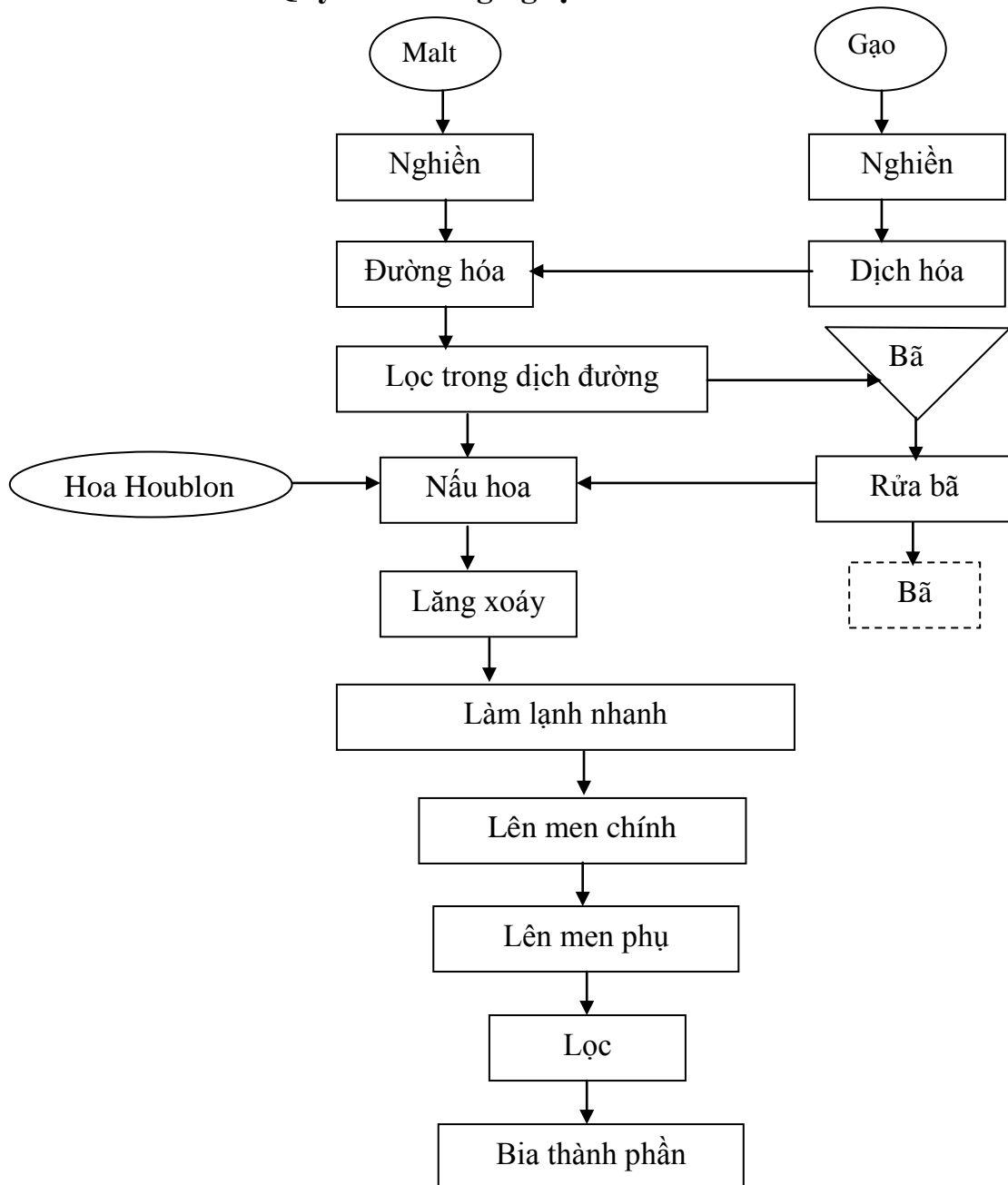
2.2.2. Các loại hàng hoá, dịch vụ chủ yếu mà hiện tại doanh nghiệp đang Kinh doanh

Hiện nay để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng công ty đã tạo ra thị trường nhiều loại sản phẩm có chất lượng, đẳng cấp cao như bia hơi và bia chai... nhưng ở đây ta chỉ đi sâu phân tích sản phẩm chính là bia hơi, đó là sản phẩm đang được tiêu thụ nhiều nhất trong giai đoạn hiện nay.

2.3. Công nghệ sản xuất một số mặt hàng chủ yếu

2.3.1. Giới thiệu quy trình công nghệ sản xuất

Quy trình công nghệ sản xuất Bia



2.3.2. Các bước công việc trong quy trình công nghệ

- Nghiền nguyên liệu.
- Nấu và đường hóa nguyên liệu.
- Lọc trong dịch đường.
- Nấu hoa.
- Lắng xoáy và làm nguội dịch đường.
- Làm lạnh nhanh dịch đường.
- Lên men chính.
- Lên men phụ.
- Lọc trong Bia.
- Bia thành phần.

2.4. Hình thức tổ chức sản xuất và kết cấu sản xuất của doanh nghiệp

2.4.1. Hình thức tổ chức sản xuất ở doanh nghiệp

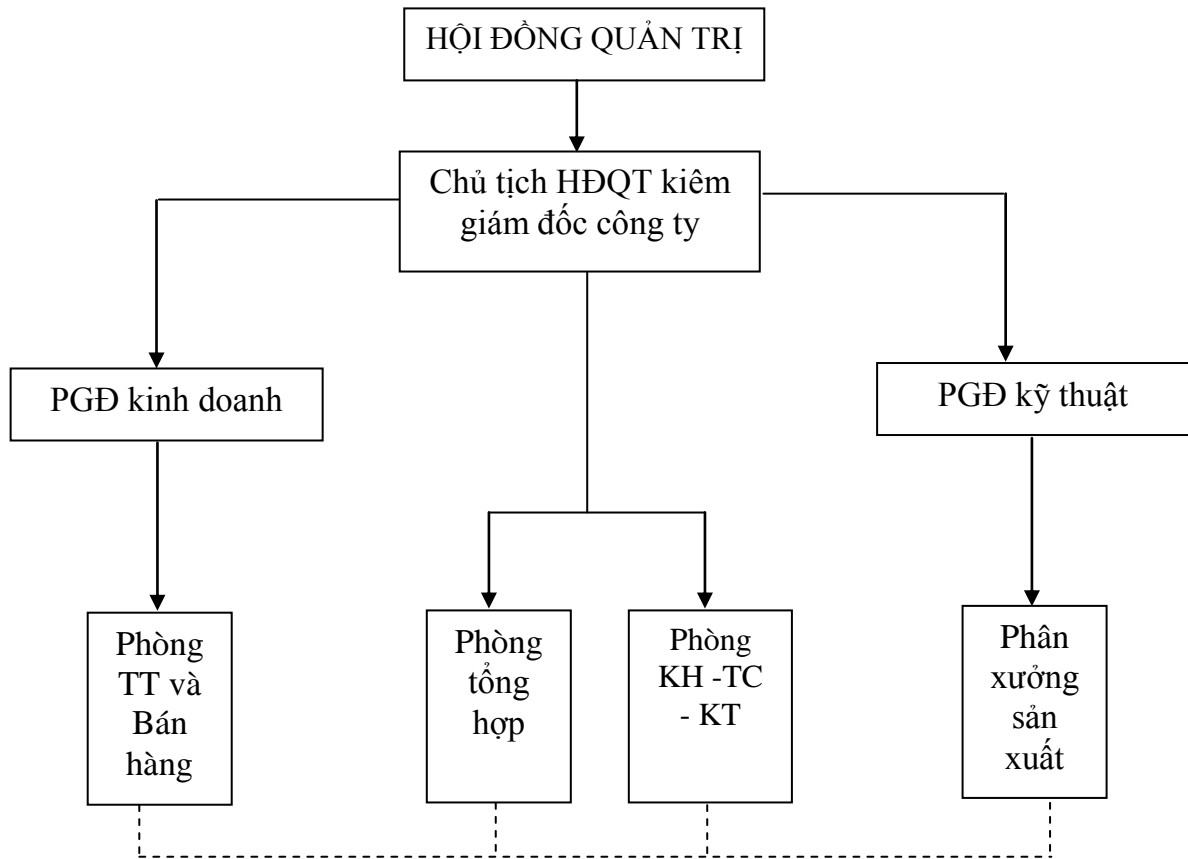
Dưới nhà máy, bộ phận sản xuất chia thành các tổ.

- Tổ lò hơi.
- Tổ nấu.
- Tổ lên men.
- Tổ máy lạnh.
- Tổ lọc.
- Tổ chiết rót.

2.4.2. Kết cấu sản xuất của doanh nghiệp

Các bộ phận sản xuất của công ty được tổ chức theo hình thức chuyên môn hoá kết hợp.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của doanh nghiệp.



a. Chức năng

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức quản lý trực tuyến - chức năng, có nghĩa là giám đốc trực tiếp xem xét quản lý tất cả các phòng ban công ty, bên cạnh đó thông qua các phó giám đốc để giám sát tình hình hoạt động của công ty.

b. Bộ máy công ty được phân làm 2 cấp

- Cấp công ty gồm: Bộ máy quản lý và các phòng chức năng.
 - Cấp phân xưởng: Các tổ sản xuất thuộc phân xưởng sản xuất.
- Giám đốc công ty.

Giám đốc là người được cổ đông và Hội Đồng Quản Trị đề cử và bổ nhiệm.

Giám đốc là người đại diện cho pháp luật.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Giám đốc có trách nhiệm và quyền hạn tổ chức quản lý điều hành chung, hoạch định và tổ chức thực hiện mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống CBCNV trong công ty theo điều lệ công ty CP bia Tây Âu và luật doanh nghiệp.

Giám đốc phụ trách chung và trực tiếp phụ trách phòng chức năng và một số lĩnh vực.

- Phòng Kế hoạch – Tài chính - Kế toán.
- Phòng tổng hợp.

- Các phó Giám Đốc.

Phó giám đốc được HĐQT xét duyệt và bổ nhiệm. Các phó giám đốc là người giúp việc giám đốc và được phân công phụ trách một số lĩnh vực, công việc cụ thể.

Phó giám đốc chịu trách nhiệm trước giám đốc những lĩnh vực được phân công.

- Phó giám đốc kinh doanh phụ trách các lĩnh vực sau:

- + Tiếp thị và bán hàng
- + Cung ứng vật tư kỹ thuật.
- + Quản trị hành chính, văn thư, bảo vệ.
- + Trực tiếp phụ trách phòng tiếp thị và bán hàng.

- Phó giám đốc kỹ thuật trực tiếp phụ trách.

+ Nhà máy Bia Tây Âu bao gồm các lĩnh vực: Sản xuất, cơ điện và đội xe, an toàn sản xuất, an toàn và vệ sinh lao động, phòng chữa cháy, phòng chống bão lụt.

- Phòng kế hoạch – Tài chính - Kế toán.

Xây và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Tổ chức thực hiện công tác Tài chính - Kế toán.

Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán theo quy định.

- Phòng tiếp thị và bán hàng.

+Tổ chức nghiên cứu, khảo sát thị trường.

- + Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tiêu thụ sản phẩm.
- + Tổ chức thực hiện công tác tiếp thị, quảng cáo, khuyến mại, hội trợ triển lãm.
- Dự trù mua sắm các dụng cụ, phương tiện bán hàng, quảng cáo.
- Quản lý điều hành tác nghiệp hàng ngày về công tác bán hàng
- Phòng tổng hợp.
 - + Công tác kỹ thuật công nghệ.
 - + Công tác kỹ thuật cơ điện.
 - + Công tác tiêu chuẩn hoá đo lường chất lượng sản phẩm.
- Phân xưởng sản xuất.
 - + công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất.
 - + Công tác quản lý kỹ thuật công nghệ và chất lượng sản phẩm.
 - + Quản lý toàn bộ tài sản của phân xưởng và triển khai công tác sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
 - + quản lý và đảm bảo các điều kiện an toàn trong sản xuất: An toàn lao động, an toàn máy móc thiết bị, các quy định về bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.
 - + Công tác quản lý và hoạch toán kinh tế phân xưởng.

2.5. Tình hình lao động, tiền lương

2.5.1. Cơ cấu lao động

- cơ cấu lao động là sự hình thành các loại lao động và tỷ trọng của từng loại trong tổng số.
- Cơ cấu lao động phụ thuộc vào ngành nghề sản xuất, quy mô sản xuất, công nghệ sản xuất và trình độ quản lý.
- Phân loại cơ cấu lao động nhằm mục đích quản lý lao động.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Bảng số lượng lao động, chất lượng lao động của công ty năm 2007.

Đơn vị	Trình độ				Tổng
	ĐH	CD	TC	CN	
Ban lãnh đạo công ty	3				3
Phòng Tổng Hợp	4		3		7
Phòng tiếp thị & bán hàng	8				8
Phòng KH – TC - KT	2	1	4		7
Phân xưởng sản xuất	3	3	20	25	51
Khối không sản xuất			5	5	10
Tổng cộng	20	4	32	30	86
Tỷ lệ(%)	23	5	37	35	100

(Nguồn tài liệu: Phòng kế hoạch tài chính_ công ty cổ phần bia Tây Âu)

Bảng sử dụng lao động năm 2007.

Đơn vị	Độ tuổi			Tổng
	<30	30-45	>45	
Ban lãnh đạo công ty		1	2	5
Phòng Tổng hợp	7			7
Phòng Tiếp thị & Bán hàng	5	1	2	8
Phòng KH – TC - KT	4	2	1	7
Phân xưởng sản xuất	36	15		51
Khối không sản xuất	1	8	1	10
Tổng cộng	53	27	6	86
Tỷ lệ (%)	61,62	31,4	6,98	100

(Nguồn tài liệu: Phòng kế hoạch tài chính_ Công ty Cổ phần Bia Tây Âu)

2.5.2. Phương pháp xây dựng định mức thời gian lao động

- Mức lao động là lượng lao động hợp lý nhất được quy định để chế tạo một sản phẩm hay hoàn thành một công việc nhất định trong điều kiện nhất định.

- Các phương pháp định mức lao động: Kinh nghiệm và tính toán phân tích.

- Ở công ty bia Tây Âu hiện đang áp dụng định mức lao động cho phân xưởng sản xuất theo tính toán phân tích.

VD: Để nấu 1 mẻ dịch (8000 lít) cần:

- 1 công nhân lò hơi.
- 1 công nhân nghiền.
- 2 công nhân nấu.
- 1 công nhân lên men.
- 1 công nhân lọc.
- 1 công nhân vận hành máy lạnh.

2.6. Tình hình quản lý vật tư, tài sản cố định

2.6.1. Các loại nguyên vật liệu dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh

Malt, gạo, enzym, hoa houblon, than, NaOH, axit, chất khử trùng ...

2.6.2. Cách xây dựng mức sử dụng nguyên vật liệu

Định mức vật tư là quá trình xác định mức vật tư để hoàn thành sản phẩm nhất định.

Các phương pháp xây dựng mức nguyên vật liệu.

- Phương pháp thống kê.
- Phương pháp tính toán phân tích.
- Phương pháp kinh nghiệm.

Ở công ty bia Tây Âu xây dựng định mức nguyên vật liệu theo phương pháp tính toán phân tích (dựa vào quy trình công nghệ).

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Sau đây là bảng định mức nguyên vật liệu cho 1000 lít bia hơi.

STT	Tên nguyên vật liệu, vật tư	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Malt	Kg	80	
2	Gạo	Kg	58	
3	Malt màu	Kg	0.153	
4	Hoa houblon	α	6,3	
5	Termamyl	Kg	0.070	
6	Fugamyl	Kg	0.070	
7	Neutrase	Kg	0.085	
8	Ceraflo	Kg	0.007	
9	Maturex	Kg	0.0085	
10	Muối CaCl_2	Kg	0.057	
11	Than đá	Kg	44	
12	P_3 -Reencol	Kg	0.025	
13	P_3 -Oxonia	Kg	0.35	Bổ sung thêm vào máy rửa chai
14	Trimeta	Kg	0.75	
15	Zaven	Kg	0.02	
16	Bột trợ lọc	Kg	2.5	
17	Điện	Kw	300	
18	Nước	m^3	10	
19	Nút chai pet	Cái	1020	Mất + xì
20	Chai Pet hỏng	Cái	16	Hao hụt 1.6%
21	Màng co cổ	Cái	1010	Hao hụt 1%
22	Vỏ bao	Cái	2	
23	Mác thân	Cái	40	Thay mới mác hỏng, rách, cũ.
24	NaOH	kg	0.63	

(Nguồn tài liệu: Phòng kế toán_Công ty Cổ phần Bia Tây Âu)

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

2.6.3. Tình hình sử dụng nguyên vật liệu

Tình hình sử dụng vật tư tốt hay xấu được đánh giá bằng lượng sử dụng thực tế so với định mức.

Nhận xét: Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu, và kế hoạch tiêu thụ để chủ động có kế hoạch mua vật tư, nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sản phẩm sẽ hạ bớt phần nào.

2.6.4. Tình hình tài sản cố định

+ Đầu tư vào cơ sở hạ tầng.

Bảng tổng hợp các công trình xây dựng

STT	Tên công trình	Diện tích(m ²)	Giá xây dựng (VND)	Thành tiền (VND)
1	Phân xưởng nấu.	80	300.000	24.000.000
2	Phân xưởng lên men	144	300.000	43.200.000
3	Kho nguyên liệu	32	300.000	9.600.000
4	Nhà nồi hơi	32	300.000	9.600.000
5	Bãi chứa than	24	300.000	7.200.000
6	Bãi xỉ	24	300.000	7.200.000
7	Khu xử lý nước	48	300.000	14.400.000
8	Khu hành chính	144	300.000	43.200.000
9	Nhà để xe	32	300.000	9.600.000
10	Phòng bảo vệ	24	300.000	7.200.000
11	Nhà tắm, nhà vệ sinh	24	300.000	7.200.000
12	Khu máy lạnh	216	300.000	64.800.000
Tổng		824	300.000	247.200.000

(Nguồn tài liệu: Phòng kế hoạch tài chính _ Công ty Cổ phần Bia Tây Âu)

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Công trình xây dựng, đường giao thông, cống rãnh, tường bao quanh nhà lấy theo phần trăm chi phí so với tổng xây dựng các công trình là 10%. Vậy tổng số vốn đầu tư cho các công trình xây dựng là: **271.920.000 VND.**

+ Đầu tư thiết bị.

Bảng tổng hợp vật tư thiết bị.

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn giá (10 ⁶ VND)	Thành tiền (10 ⁶ VND)
1	Máy nghiền malt	1	44	44
2	Máy nghiền gạo	1	46	46
3	Nồi hồ hoá	1	160	160
4	Nồi đường hoá	1	216	216
5	Nồi nấu hoa	1	200	200
6	Nồi đun nước nóng	2	72	144
7	Nồi lọc bã	1	560	560
8	Thùng lãng trong và làm nguội	1	130	130
8	Máy làm lạnh nhanh tám bản 2 cấp	2	160	320
9	HT thiết bị gậy rửa men	1	430	430
10	Thiết bị lên men	11	300	3300
11	Máy lọc đĩa	2	80	160
14	Hệ thống máy lạnh	1	1600	1600
15	Máy thu hồi CO ₂	1	50	50
16	Nồi hơi	1	50	50
17	Bơm ly tâm các loại	20	4,5	90
18	Máy nén khí	1	40	40
19	Máy rửa chai	1	80	80
20	Máy chiết box	2	50	100
21	Máy chiết chai	4	20	80
22	Các phụ kiện, đường ống, van, hệ thống điện.		900	900
Tổng				8700

(Nguồn tài liệu: Phòng kế hoạch tài chính_Công ty Cổ phần Bia Tây Âu)

- Mức khấu hao: Được khấu hao đều trong 10 năm.
- Giá trị hao mòn lũy kế = Mức khấu hao * Số năm sử dụng.
- Giá trị còn lại = Nguyên giá – Hao mòn lũy kế.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Bảng biến động cơ cấu tài sản cố định năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

Loại tài sản	Nguyên giá	Mức khấu hao	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Nhà cửa vật kiến trúc	271.920.000	27.192.000	27.192.000	244.728.000
Máy móc thiết bị	8.700.000.000	870.000.000	870.000.000	8.074.728.000
Phương tiện vận chuyển	270.000.000	27.000.000	27.000.000	243.000.000
Thiết bị dụng cụ quản lý	200.000.000	20.000.000	20.000.000	180.000.000
Tổng	9.441.920.000	944.192.000	944.192.000	8.677.728.000

(Nguồn tài liệu: Phòng kế toán _ Công ty Cổ phần Bia Tây Âu)

Nhận xét: Nhà máy mới đi vào hoạt động từ tháng 12/2003 nên tài sản cố định chưa bị hao mòn.

2.7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.7.1. Giới thiệu các loại hàng hoá của công ty

Sản phẩm chủ yếu của công ty Cổ Phần Bia Tây Âu là sản phẩm Bia Hơi Tây Âu.

2.7.2. Số liệu về số lượng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ (bằng hiện vật và giá trị) của các mặt hàng qua các thời kỳ

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Lượng tiêu thụ bia hơi công ty cổ phần bia Tây Âu.

Tháng	Lượng (lít)		So sánh	
	Năm 2007	Năm 2008	Số tuyệt đối	Tỷ lệ (%)
1	175.000	211.300	36.300	20,74
2	147890	223.500	75.610	51,12
3	263.256	287.000	23.744	9,02
4	278.790	318.356	39.566	14,19
5	467.812	559.715	91.903	19,65
6	516.128	707.525	191.397	37,08
7	585.756	812.311	226.555	38,68
8	624.863	643.264	18.401	2,94
9	498.456	559.789	61.333	12,3
10	435.478	389.167	(46.311)	(10,63)
11	324.821	348.240	23.419	7,21
12	287.489	289.463	1.974	0,69
Tổng Cộng	4.605.809	5.350.230	744.421	16,16

(Nguồn tài liệu: Phòng kinh doanh_Công ty Cổ phần Bia Tây Âu)

2.7.3. Đối thủ cạnh tranh, thị phần

Khái niệm: Đối thủ cạnh tranh là người sản xuất mặt hàng thay thế gần gũi.

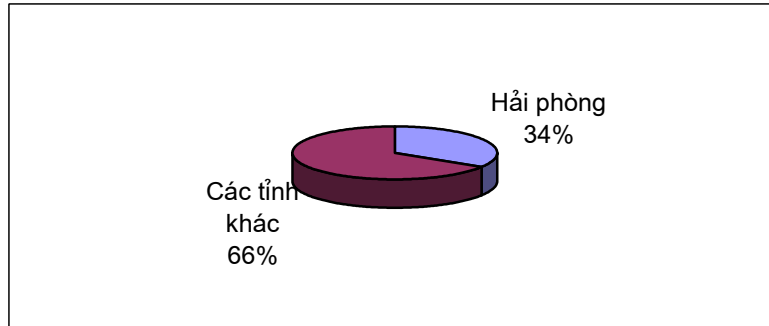
Trên từng đoạn thị trường của Công Ty bia Tây Âu đều có đối thủ cạnh tranh mạnh hơn cũng có mà yếu hơn cũng có, nhưng dù thế nào công ty bia cũng đều phải chia sẻ thị trường với các công ty khác. Và một điều chắc chắn rằng, nếu công ty không ngừng vươn lên và phát triển thì sẽ bị các công ty khác đánh bại sản phẩm của công ty mình và sẽ chiếm lĩnh thị trường. Các đối thủ cạnh tranh của công ty trên mỗi đoạn thị trường, đó là Công Ty Bia Hải Phòng.

Kết quả nghiên cứu đối thủ cạnh tranh cho ta biết thị phần của từng đối thủ. Trong đó thị phần là phần thị trường mà doanh nghiệp chiếm lĩnh.

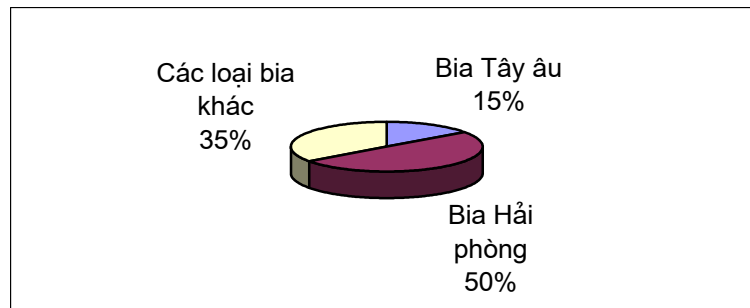
Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

$$\text{Thị phần} = \frac{\text{Sản lượng tiêu thụ của doanh nghiệp}}{\text{Sản lượng tiêu thụ của thị trường}}$$

- Thị phần bia Tây Âu Trên các thị trường.



- Thị phần tại thị trường Hải Phòng.



(Nguồn tài liệu: Phòng kinh doanh _ Công ty Cổ phần Bia Tây Âu)

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

2.7.4. Báo cáo kết quả sản xuất kinh của công ty CP bia Tây Âu năm 2008

Phần I: Lãi - Lỗ.

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	KỲ TRƯỚC	KỲ NÀY
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	12.435.684.300	14.445.621.000
2. Các khoản giảm trừ (04+05+06+07)	3	2.869.773.300	3.333.604.848
3. Chiết khấu thương mại	4		
4. Giảm giá hàng bán	5		
5. Giá trị hàng bán bị trả lại	6		
6. Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp (30%)	7	2.869.773.300	3.333.604.846
7. Doanh thu thuần (01 – 03)	10	9.565.911.000	11.112.016.154
8. Giá vốn hàng hoá	11	6.337.593.184	7.433.116.844
9. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 – 11)	20	3.228.317.816	3.678.899.308
10. Chi phí bán hàng	21	184.232.360	214.009.200
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	276.348.540	321.013.800
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD 20-(21 + 22)	30	2.767.736.916	3.143.876.308
13. Thu nhập khác	31		
14. Chi phí khác	32		
15. Lợi nhuận khác (31 – 32)	40		
16. Tổng lợi nhuận trước thuế (30 + 40)	50	2.767.736.916	3.143.876.308
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 28%	51	774.966.336	880.285.366
18. Lợi nhuận sau thuế (50 – 51)	60	1.992.770.580	2.263.590.942

(Nguồn tài liệu : Phòng kế toán _ công ty cổ phần bia Tây Âu).

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Phần II : Tình Hình Thực Hiện Nghĩa Vụ Đối Với Nhà Nước.

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ PHẢI NỘP
I. Thuế (10=11+12+13+14+15+16+17+18+19+20)	10	5.658.452.312
1. Thuế GTGT hàng nội địa	11	1.444.562.100
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	3.333.604.846
4. Thuế xuất, nhập khẩu	14	
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	880.285.366
6. Thuế trên vốn	16	
7. Thuế tài nguyên	17	
8. Thuế nhà đất	18	
9. Tiền thuê đất	19	
10. Các loại thuế khác	20	
II. Các khoản phải nộp (30 = 31+32+33)	30	
1. Các khoản thu phụ	31	
2. Các khoản phí, lệ phí	32	
3. Các khoản khác	33	
Tổng cộng (40 = 10 + 30)		5.658.452.312

(Nguồn tài liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Bia Tây Âu).

Kết luận:

Qua bảng số liệu trên, nhận thấy rằng máy móc thiết bị hoàn toàn mới, trong khi đó sản lượng của công ty chức cao, chất lượng sản phẩm không đều, có nhiều ý kiến phản hồi của khách hàng.

Cho nên em chọn đề tài: “ **Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở Công Ty Cổ Phần Bia Tây Âu**”.

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY BIA TÂY ÂU

3.1. Các thông tin để phân tích

Bảng 3.1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh của Cty CP bia Tây Âu năm 2008

Phần I: Lãi - Lỗ.

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2007	NĂM 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	12.435.684.300	14.445.621.000
2. Các khoản giảm trừ (04+05+06+07)	3	2.869.773.300	3.333.604.848
3. Chiết khấu thương mại	4		
4. Giảm giá hàng bán	5		
5. Giá trị hàng bán bị trả lại	6		
6. Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp (30%)	7	2.869.773.300	3.333.604.846
7. Doanh thu thuần (01 – 03)	10	9.565.911.000	11.112.016.152
8. Giá vốn hàng hoá	11	6.337.593.184	7.433.116.844
9. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 – 11)	20	3.228.317.816	3.678.899.308
10. Chi phí bán hàng	21	184.232.360	214.009.200
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	276.348.540	321.013.800
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD 20-(21 + 22)	30	2.767.736.916	3.143.876.308
13. Thu nhập khác	31		
14. Chi phí khác	32		
15. Lợi nhuận khác (31 – 32)	40		
16. Tổng lợi nhuận trước thuế (30 + 40)	50	2.767.736.916	3.143.876.308
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 28%	51	774.966.336	880.285.366
18. Lợi nhuận sau thuế (50 – 51)	60	1.992.770.580	2.263.590.942

(Nguồn tài liệu : Phòng kế toán _ Công ty Cổ phần Bia Tây Âu).

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Bảng 3.2: Bảng cân đối kế toán của công ty cổ phần bia Tây Âu năm 2008

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Năm 2007	Năm 2008
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100	4.726.185.072	11.258.771.444
I. TIỀN	110	2.050.551.832	5.456.145.000
1. Tiền mặt tại quỹ	111	900.230.150	2.008.458.000
2. Tiền gửi ngân hàng	112	1.150.321.682	3.853.245.004
II. Các khoản phải thu	130	2.650.318.423	5.700.369.180
1. Phải thu của khách hàng	131	2.391.573.103	4.456.800.750
2. Thuế GTGT được khấu trừ	133	258.745.320	1.243.568.430
III. Hàng tồn kho	140	25.314.817	102.257.264
1. Nguyên vật liệu, vật liệu tồn kho	142	8.235.617	80.750.654
2. công cụ dụng cụ	143	1.840.260	8.655.610
3. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144	15.238.940	12.851.000
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	200	10.458.032.000	11.345.787.120
I. Tài sản cố định hữu hình	210	10.386.112.000	11.330.304.000
- Nguyên giá	212	9.441.920.000	9.441.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	213	944.192.000	1.888.384.000
II. Chi phí xây dựng cơ bản DD	230	71.920.000	15.483.120
TỔNG TÀI SẢN	250	15.184.217.072	22.604.558.564
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Năm 2007	Năm 2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	9.856.563.816	13.403.737.554
1. Nợ ngắn hạn	310	3.988.816.004	6.123.486.777
2. Nợ dài hạn	320	4.503.859.453	5.604.885.061
3. Nợ khác	330	1.363.888.359	1.675.365.716
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.327.653.256	9.200.821.010
1. Nguồn vốn kinh doanh, quỹ	411	4.281.123.565	8.146.133.310
2. Nguồn kinh phí, quỹ khác		1.046.529.691	1.054.687.700
TỔNG NGUỒN VỐN	430	15.184.217.072	22.604.558.564

(Nguồn tài liệu: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Bia Tây Âu)

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

3.1.1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

a. Cơ cấu tài sản

Bảng 3.3: Bảng cơ cấu tài sản của công ty

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch	
	Số tiền(VNĐ)	Số tiền(VNĐ)	Tuyệt đối	Tương đối (%)
A. TSLĐ và Đầu tư ngắn hạn	4.726.185.072	11.258.771.444	6.532.586.372	138,22
I. Tiền	2.050.551.832	5.456.145.000	3.405.593.168	166,08
II. Các khoản phải thu	2.650.318.423	5.700.369.180	3.050.050.757	115,08
III. Hàng tồn kho	25.314.817	102.257.264	76.942.447	303,94
B. TSCĐ và Đầu tư dài hạn	10.458.032.000	11.345.787.120	887.755.120	8,49
I. Tài sản cố định	10.386.112.000	11.330.304.000	944.192.000	9,09
II. Chi phí xây dựng cơ bản	71.920.000	15.483.120	(56.436.880)	(78,47)
Tổng tài sản	15.184.217.072	22.604.558.564	7.420.341.492	48,87

(nguồn tài liệu: Bảng cân đối kế toán_Công ty Cổ phần Bia tây âu)

Tổng giá trị tài sản của nhà máy năm 2008 tăng lên 7.420.341.492 đồng so với năm 2007, chứng tỏ nhà máy đang mở rộng quy mô sản xuất và tiến bộ kỹ thuật. Tài sản tăng lên chủ yếu là tài sản lưu động tăng 6.532.586.372 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 38,22%.

$$\frac{TSLD_{2007}}{\Sigma TS_{2007}} = \frac{4.726.185.072}{15.184.217.072} = 0,311 \text{ (Năm 2007)}$$

$$\frac{TSLD_{2008}}{\Sigma TS_{2008}} = \frac{11.258.771.444}{22.604.558.564} = 0,498 \text{ (Năm 2008)}$$

$$\frac{TSCD_{2007}}{\Sigma TS_{2007}} = \frac{10.458.032.000}{15.184.217.072} = 0,689 \text{ (Năm 2007)}$$

$$\frac{TSCD_{2008}}{\Sigma TS_{2008}} = \frac{11.330.304.000}{22.604.558.564} = 0,502 \text{ (Năm 2008)}$$

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

b. cơ cấu nguồn vốn

Bảng 3.4: Cơ cấu nguồn vốn của công ty

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch	
		Số tiền (VNĐ)	Số tiền (VNĐ)	Tuyệt đối	Tỷ lệ(%)
1	A. Nợ phải trả	9.856.563.816	13.403.737.554	3.547.173.738	35,99
2	Nợ ngắn hạn	3.988.816.004	6.123.486.777	2.134.670.773	53,52
3	Nợ dài hạn	4.503.859.453	5.604.885.061	1.101.025.608	24,45
4	Nợ khác	1.363.888.359	1.675.365.716	311.477.357	22,84
5	B. Vốn chủ sở hữu	5.327.653.256	9.200.821.010	3.873.167.754	72,70
6	Nguồn vốn quỹ	4.281.123.565	8.146.133.310	3.865.009.745	90,28
7	Nguồn quỹ khác	1.046.529.691	1.054.687.700	8,158,009	0,78
8	Tổng nguồn vốn	15.184.217.072	22.604.558.564	7.420.341.492	48,87

(Nguồn tài liệu: Bảng cân đối kế toán_ Công ty bia Tây Âu)

Nguồn vốn của công ty năm 2008 tăng 7.420.341.492 đồng so với năm 2007 tương ứng với tỷ lệ tăng là 48,87%. Tăng nguồn vốn chủ yếu là do nợ phải trả tăng 3.547.173.738 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 35,99%, đây là biểu hiện tiêu cực, chứng tỏ khả năng về tài chính của nhà máy là thấp. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu tăng 3.873.167.754 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 72,7%, đây là một biểu hiện tốt.

Cơ cấu nguồn vốn phản ánh bình quân trong một đồng vốn kinh doanh hiện nay doanh nghiệp đang sử dụng có mấy đồng vay nợ, hoặc có mấy đồng vốn chủ sở hữu. Hệ số nợ, hệ số vốn chủ sở hữu là 2 tỷ số quan trọng nhất phản ánh cơ cấu nguồn vốn.

Hệ số nợ:

$$\frac{N_{pt_{2007}}}{\sum TS_{2007}} = \frac{9.856.563.816}{15.184.217.072} = 0,649 \quad (\text{Năm 2007})$$

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

$$\frac{Npt_{2008}}{\Sigma TS_{2008}} = \frac{13.403.737.554}{22.604.558.564} = 0,593 \text{ (Năm 2008)}$$

Hệ số vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu tỷ xuất tài trợ):

$$\frac{CSH_{2007}}{\Sigma Von_{2007}} = \frac{5.327.653.256}{15.184.217.072} = 0,35 \text{ (Năm 2007)}$$

$$\frac{CSH_{2008}}{\Sigma Von_{2008}} = \frac{9.200.821.010}{22.604.558.564} = 0,407 \text{ (Năm 2008)}$$

Nhận xét : Chỉ tiêu tỷ xuất tài trợ cho thấy mức độ độc lập tài chính của nhà máy là không cao. Tỷ suất tài trợ của năm 2007 < tỷ suất của năm 2008.

3.1.2. Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu tỷ suất thanh toán hiện hành ngắn hạn.

$$\frac{TSLD_{2007}}{VayNH_{2007}} = \frac{4.726,185,072}{3,988,816,004} = 1,184 \text{ (Năm 2007)}$$

$$\frac{TSLD_{2008}}{VayNH_{2008}} = \frac{11,258,771,444}{6,123,486,777} = 1,838 \text{ (Năm 2008)}$$

Nhận xét : Qua chỉ tiêu này cho ta thấy nhà máy có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, tình hình tài chính là khả quan. Khả năng thanh toán của năm 2008 là lớn hơn so với năm 2007.

$$\frac{TM_{2007}}{VayNH_{2007}} = \frac{2,050,551,832}{3,988,816,004} = 0,514 \text{ (Năm 2007)}$$

$$\frac{TM_{2008}}{VayNH_{2008}} = \frac{5,456,145,000}{6,123,486,777} = 0,89 \text{ (Năm 2008)}$$

Nhận xét : Qua chỉ tiêu này cho ta thấy nhà máy có đủ khả năng trong việc thanh toán, công nợ (vì tỷ suất này = 0,514 lớn hơn mức 0,5). Kết hợp với chỉ tiêu thanh toán của vốn lưu động ta thấy mặc dù nhà máy có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong vòng 1 năm nhưng lại khó khăn trong việc

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

thanh toán các khoản nợ hiện hành. Vì thế nhà máy phải có biện pháp thu hồi các khoản thu sao cho nhanh nhất đáp ứng khả năng thanh toán ngay.

3.1.3. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tổng hợp

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu.

$$\frac{LN_{2007}}{DTT_{2007}} = \frac{1.992.770.580}{9.565.911.000} = 0,208 \text{ (Năm 2007)}$$

$$\frac{LN_{2008}}{DTT_{2008}} = \frac{2.263.590.942}{11.112.016.152} = 0,2037 \text{ (Năm 2008)}$$

Như vậy bình quân trong 1 đồng doanh thu ở năm 2007 mang lại 0,208 đồng lợi nhuận và năm 2008 mang lại 0,0237 đồng lợi nhuận sau thuế.

- Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn kinh doanh.

$$\frac{LN_{TT}}{V_{KDBQ}} = \frac{3.143.876.308}{\frac{15.184.217.072 + 22.604.558.564}{2}} = 0,166$$

$$\frac{LN_{ST}}{V_{KDBQ}} = \frac{2.263.590.942}{\frac{15.184.217.072 + 22.604.558.564}{2}} = 0,119$$

Tỷ suất trên phản ánh, khi sử dụng 1 đồng vốn kinh doanh tạo ra 0,166 đồng lợi nhuận trước thuế (hay 0,119 đồng lợi nhuận sau thuế).

Trong hai chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trước thuế vốn kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận sau thuế vốn kinh doanh thì tỷ suất lợi nhuận sau thuế vốn kinh doanh được các nhà quản trị tài chính sử dụng nhiều hơn, bởi lẽ nó phản ánh số lợi nhuận còn lại (sau khi đã trả lãi vay ngân hàng và làm nghĩa vụ đối với nhà nước) được sinh ra do sử dụng 1 đồng vốn kinh doanh.

3.2. Phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

3.2.1. Phân tích hiệu quả sử dụng lao động

Bảng 3.5. Hiệu quả sử dụng lao động của nhà máy

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối(%)
1	Doanh thu thuần	9.565.911.000	11.112.016.152	1.546.105.152	16,16
2	Lợi nhuận sau thuế	1.992.770.580	2.263.590.942	270.820.362	13,59
3	LĐ bình quân	86	90	4	4,65
4	Sức sản xuất (1/3)	111.231.523	123.466.846	12.235.323	10,99
5	Sức sinh lời (2/3)	23.171.751	25.151.010	1.979.259	8,54

Ta thấy rằng trong năm 2008, doanh thu và lợi nhuận cùng với số lao động của công ty đều tăng. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng doanh thu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận lớn hơn tốc độ tăng lao động do đó sức sản xuất của lao động và sức sinh lời của lao động của Công ty vẫn tăng trưởng rất mạnh mẽ. Cụ thể:

- Sức sản xuất của lao động năm 2007 là 111.231.523, năm 2008 là 123.466.846 tăng so với năm 2007 là 12.235.323 và tốc độ tăng trưởng là 10,99%. Với sức sản xuất của lao động như vậy, trong năm 2008 trung bình mỗi nhân viên của công ty làm ra hơn 124 triệu đồng doanh thu cho công ty.

- Sức sinh lời của lao động năm 2008 là 25.151.010 đã tăng 1.979.259 so với mức 23.171.751 của năm 2007. Như vậy, trung bình mỗi lao động trong năm 2007 chỉ tạo ra được cho công ty hơn 23 triệu đồng lợi nhuận thì đến năm 2008 trung bình mỗi lao động tạo ra cho công ty hơn 25 triệu đồng lợi nhuận.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Sức sản xuất của lao động và sức sinh lời của lao động ta thấy rằng trong năm 2008 tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2007 chứng tỏ trong năm 2008 công ty đã sử dụng lao động hợp lý và có hiệu quả hơn.

Sức sản xuất của lao động chịu tác động của hai nhân tố là số lao động và doanh thu và sức sinh lời của lao động chịu tác động từ hai nhân tố là số lao động và lợi nhuận. Sau đây ta sẽ xem xét kỹ hơn về ảnh hưởng của từng nhân tố lên sức sản xuất và sức sinh lời của lao động.

Các kí hiệu:

DT_i, LN_i: doanh thu, lợi nhuận của công ty năm i

LD_i: số lao động bình quân năm i

ΔSSX_{ld}, ΔSSL_{ld}: chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lời của lao động năm i+1 và năm i

ΔSSX_{ld}(X), ΔSSL_{ld}(X): chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lời của lao động năm i+1 và năm i do ảnh hưởng của nhân tố X

***) Sức sản xuất của lao động**

$$\text{Sức sản xuất của lao động} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng lao động bình quân}}$$

$$\Delta SSX_{LD} = \frac{DT_{2008}}{LD_{2008}} - \frac{DT_{2007}}{LD_{2007}}$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu lên sức sản xuất của lao động

$$\Delta SSX_{LD}(DT) = \frac{DT_{2008}}{LD_{2007}} - \frac{DT_{2007}}{LD_{2007}} = \frac{11.112.016.152}{86} - \frac{9.565.911.000}{86} = 17.977.967$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố lao động lên sức sản xuất của lao động

$$\Delta SSX_{LD}(LD) = \frac{DT_{2008}}{LD_{2008}} - \frac{DT_{2008}}{LD_{2007}} = \frac{11.112.016.152}{90} - \frac{11.112.016.152}{86} = - 5.742.644$$

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Như vậy, lao động tăng lên đã ảnh hưởng đến sức sản xuất của lao động. Cụ thể lao động tăng thêm 4 người đã làm cho sức sản xuất của lao động giảm 5.742.644. Doanh thu tăng mạnh đã làm tăng sức sản xuất của lao động thêm 17.977.967. Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố lao động và doanh thu lên sức sản xuất của lao động của Công ty như sau:

$$\Delta SSX_{ld} = 17.977.967 + (-5.742.644) = 12.235.323$$

***) Sức sinh lợi của lao động**

$$\text{Sức sinh lợi của lao động} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tổng lao động bình quân}}$$

$$\Delta SSL_{LD} = \frac{LN_{2008}}{LD_{2008}} - \frac{LN_{2007}}{LD_{2007}}$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố lao động lên sức sinh lợi của lao động

$$\Delta SSL_{LD}(LD) = \frac{LN_{2008}}{LD_{2008}} - \frac{LN_{2007}}{LD_{2007}} = \frac{2.263.590.942}{90} - \frac{2.263.590.942}{86} = -1.169.814$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu lên sức sinh lợi của lao động

$$\Delta SSL_{LD}(DT) = \frac{LN_{2008}}{LD_{2007}} - \frac{LN_{2007}}{LD_{2007}} = \frac{2.263.590.942}{86} - \frac{1.992.770.580}{86} = 3.149.073$$

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố lao động và lợi nhuận lên sức sinh lợi của lao động của Công ty:

$$\Delta SSL_{ld} = (-1.169.814) + 3.149.073 = 1.979.259$$

Nhận xét:

* Sức sản xuất của lao động năm 2008 tăng 12.235.323 so với năm 2007. Trong đó:

- Doanh thu tăng làm cho năng suất lao động tăng, sức sản xuất tăng 17.977.967.
- Lao động bình quân tăng làm cho sức sản xuất của lao động giảm 5.742.644

* Sức sinh lợi của lao động năm 2008 tăng 1.979.259 so với năm 2007.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Trong đó:

- Lợi nhuận tăng làm cho sức sinh lời của lao động tăng 3.149.073
- Lao động bình quân tăng làm cho sức sinh lời giảm 1.169.814

*) Ngoài chỉ tiêu sức sản xuất và sức sinh lợi của lao động, ta có thể xét hiệu quả sử dụng lao động qua một số chỉ tiêu khác như sau:

Số lao động tiết kiệm được do tăng năng suất lao động:

$$\Delta LD = LD_{2008} - LD_{2007} \times \frac{DT_{2008}}{DT_{2007}} = 90 - 86 \times \frac{11.112.016.152}{9.565.911.000} = -10$$

$\Delta LD = -10$ có nghĩa là với năng suất lao động như năm 2007, để đạt được doanh thu như năm 2008 thì Công ty cần sử dụng lượng lao động là $90 + 10 = 100$ lao động, nhưng trên thực tế do năng suất lao động tăng lên nên Công ty chỉ phải sử dụng 90 lao động.

Kết luận: Nhìn chung hiệu quả sử dụng lao động năm sau cao hơn năm trước, nhưng do lao động bình quân trong kỳ tăng lên nhanh, do vậy nó có hiệu quả xấu đến hiệu quả sử dụng lao động.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

3.2.2. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản

3.2.2.1. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định

Để phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định ta xét bảng biến động cơ cấu tài sản cố định trong 2 năm (2006 – 2007) của công ty cổ phần bia Tây Âu.

Bảng 3.6: Bảng biến động cơ cấu tài sản cố định năm 2006

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu kỳ	271.920.000	8.700.000.000	270.000.000	200.000.000	9.441.920.000
2. Số tăng trong kỳ					-
3. Số giảm trong kỳ					-
4. Số cuối kỳ	271.920.000	8.700.000.000	270.000.000	200.000.000	9.441.920.000
II. giá trị hao mòn					-
1. Số dư đầu kỳ	27.192.000	870.000.000	27.000.000	20.000.000	944.192.000
2. Số tăng trong kỳ					-
3. Số giảm trong kỳ					-
4. Số cuối kỳ	27.192.000	870.000.000	27.000.000	20.000.000	944.192.000
III. Giá trị còn lại					-
1. Đầu kỳ	244.728.000	7.830.000.000	243.000.000	180.000.000	8.497.728.000
2. Cuối kỳ	244.728.000	7.830.000.000	243.000.000	180.000.000	8.497.728.000

(Nguồn: Phòng kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Bia tây âu)

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Bảng 3.7: Bảng biến động cơ cấu tài sản cố định năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị Dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu kỳ	271.920.000	8.700.000.000	270.000.000	200.000.000	9.441.920.000
2. Số tăng trong kỳ					-
3. Số giảm trong kỳ					-
4. số cuối kỳ	271.920.000	8.700.000.000	270.000.000	200.000.000	9.441.920.000
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu kỳ	54.384.000	1.740.000.000	54.000.000	40.000.000	1.888.384.000
2. Số tăng trong kỳ					-
3. Số giảm trong kỳ					-
4. Số cuối kỳ	54.384.000	1.740.000.000	54.000.000	40.000.000	1.888.384.000
III. Giá trị còn lại					
1. Đầu kỳ	217.536.000	6.960.000.000	216.000.000	160.000.000	7.553.536.000
2. Cuối kỳ	217.536.000	6.960.000.000	216.000.000	160.000.000	7.553.536.000

(Nguồn tài liệu: Phòng kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Bia tây âu)

Bảng 3.8: Bảng hiệu quả sử dụng tài sản cố định của nhà máy

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối(%)
1	Doanh thu thuần	9.565.911.000	11.112.016.152	1.546.105.152	16,16
2	Lợi nhuận sau thuế	1.992.770.580	2.263.590.942	270.820.362	13,59
3	Tài sản cố định	10.386.112.000	11.330.304.000	944.192.000	9,09
4	Sức sản xuất (1/3)	0,92	0,98	0,06	6,52
5	Sức sinh lời (2/3)	0,192	0,200	0,008	4,12

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Sức sản xuất của tài sản cố định năm 2007 là 0,92 có nghĩa là một đồng tài sản cố định của năm 2007 mang lại 0,92 đồng doanh thu. Sức sản xuất của tài sản cố định năm 2008 là 0,98 có nghĩa là một đồng tài sản cố định của năm 2008 mang lại 0,98 đồng doanh thu.

Sức sinh lợi của tài sản cố định năm 2007 là 0,192 có nghĩa là một đồng tài sản cố định năm 2007 tạo ra 0,192 đồng lợi nhuận. Sức sinh lợi của tài sản cố định năm 2008 là 0,2 có nghĩa là một đồng tài sản cố định năm 2008 tạo ra 0,2 đồng lợi nhuận.

Sức sản xuất và sức sinh lợi của tài sản cố định chịu ảnh hưởng của các nhân tố sau: tài sản cố định bình quân, doanh thu, lợi nhuận của công ty. Sau đây, ta sẽ xem xét ảnh hưởng của từng nhân tố lên sức sản xuất và sức sinh lợi của tài sản cố định.

Các kí hiệu:

DT_i, LN_i: doanh thu, lợi nhuận của công ty năm i

TSCD_i: tài sản cố định bình quân năm i

ΔSSX_{TSCD}, ΔSSL_{TSCD}: chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lợi của tài sản cố định năm i+1 và năm i

ΔSSX_{TSCD(X)}, ΔSSL_{TSCD(X)}: chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lợi của tài sản cố định năm i+1 và năm i do ảnh hưởng của nhân tố X

***) Sức sản xuất của tài sản cố định**

Sức sản xuất của tài sản cố định =
$$\frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tài sản cố định bình quân}}$$

$$\Delta SSX_{TSCD} = \frac{DT_{2008}}{TSCD_{2008}} - \frac{DT_{2007}}{TSCD_{2007}}$$

Sức sản xuất của tài sản cố định năm 2008 tăng 0,06 so với năm 2007 do các nhân tố sau:

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu lên sức sản xuất của tài sản cố định

$$\Delta SSX_{TSCD}(DT) = \frac{DT_{2008}}{TSCD_{2007}} - \frac{DT_{2007}}{TSCD_{2007}} = \frac{11.112.016.152}{10.386.112.000} - \frac{9.565.911.000}{10.386.112.000} = 0,149$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố tổng tài sản lên sức sản xuất của tài sản cố định

$$\Delta SSX_{TSCD}(TSCD) = \frac{DT_{2008}}{TSCD_{2008}} - \frac{DT_{2008}}{TSCD_{2007}} = \frac{11.112.016.152}{11.330.304.000} - \frac{11.112.016.152}{10.386.112.000} = -0,089$$

Doanh thu tăng là yếu tố chính làm tăng sức sản xuất của tài sản cố định. Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố doanh thu và tài sản cố định lên sức sản xuất của lao động của Công ty như sau.

$$\Delta SSX_{TSCD} = 0,149 - 0,089 = 0,06$$

***) Sức sinh lợi của tài sản cố định**

$$\text{Sức sinh lợi của tài sản cố định} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tài sản cố định bình quân}}$$

$$\Delta SSL_{TSCD} = \frac{LN_{2008}}{TSCD_{2008}} - \frac{LN_{2007}}{TSCD_{2007}}$$

Sức sản xuất của tài sản cố định năm 2008 tăng 0,008 so với năm 2007 do các nhân tố sau:

- Lợi nhuận tăng làm cho sức sinh lợi của tài sản cố định tăng.

$$\Delta SSL_{TSCD}(DT) = \frac{LN_{2008}}{TSCD_{2007}} - \frac{LN_{2007}}{TSCD_{2007}} = \frac{2.263.590.942}{10.386.112.000} - \frac{1.992.770.580}{10.386.112.000} = 0,026$$

- Tài sản cố định bình quân tăng làm cho sức sinh lợi của tài sản cố định giảm.

$$\Delta SSL_{TSCD}(TSCD) = \frac{LN_{2008}}{TSCD_{2008}} - \frac{LN_{2008}}{TSCD_{2007}} = \frac{2.263.590.942}{11.330.304.000} - \frac{2.263.590.942}{10.386.112.000} = -0,018$$

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố giá trị tài sản cố định bình quân và lợi nhuận lên sức sinh lợi của tài sản cố định của Công ty Như sau:

$$\Delta SSL_{TSCD} = 0,026 + (-0,018) = 0,008$$

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Nhận xét:

* Sức sản xuất của tài sản cố định năm 2008 tăng 0,06 so với năm 2007.

Trong đó:

- Doanh thu tăng làm cho sức sản xuất tăng 0,149.
- Tài sản cố định bình quân tăng làm cho sức sản xuất giảm 0,089.

* Sức sinh lợi của tài sản cố định năm 2008 tăng 0,008 so với năm 2007.

Trong đó:

- Lợi nhuận tăng làm cho sức sinh lợi tăng 0,026
- Tài sản cố định bình quân tăng làm cho sức sinh lợi giảm 0,018.

Nhìn chung hiệu quả sử dụng tài sản cố định năm sau cao hơn năm trước, nhưng do quá trình tăng tài sản cố định quá nhanh, ảnh hưởng xấu đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3.2.2.2. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản lưu động

Bảng 3.9: Bảng hiệu quả sử dụng tài sản lưu động của nhà máy

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối(%)
1	Doanh thu thuần	9.565.911.000	11.112.016.152	1.546.105.152	16,16
2	Lợi nhuận sau thuế	1.992.770.580	2.263.590.942	270.820.362	13,59
3	Tài sản lưu động	4.726.185.072	11.258.771.444	6.532.586.372	138,22
4	Khoản phải thu	2.650.318.423	5.700.369.180	3.050.050.757	115,08
5	Hàng tồn kho	25.314.817	102.257.264	76.942.447	303,94
6	Sức sản xuất (1/3)	2,024	0,987	(1,037)	(51,24)
7	Sức sinh lời (2/3)	0,421	0,201	(0,220)	(52,26)

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Sức sản xuất của tài sản lưu động năm 2007 là 2,024 có nghĩa là một đồng tài sản lưu động của năm 2007 mang lại 2,024 đồng doanh thu. Sức sản xuất của tài sản lưu động năm 2008 là 0,987 nghĩa là một đồng tài sản lưu động của năm 2008 mang lại 0,987 đồng doanh thu.

Sức sinh lời của tài sản lưu động năm 2007 là 0,421 nghĩa là một đồng tài sản lưu động năm 2007 mang lại 0,421 đồng lợi nhuận. Sức sinh lời của năm 2008 là 0,201 nghĩa là một đồng tài sản lưu động năm 2008 mang lại 0,201 đồng lợi nhuận.

***) Sức sản xuất của tài sản lưu động**

$$\text{Sức sản xuất của tài sản lưu động} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tài sản lưu động bình quân}}$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố tài sản lưu động lên sức sản xuất của tài sản lưu động.

$$\Delta SSX_{TSLD}(TSLD) = \frac{DT_{2008}}{TSLD_{2008}} - \frac{DT_{2007}}{TSLD_{2007}} = \frac{11.112.016.152}{11.258.771.444} - \frac{11.112.016.152}{4.726.185.072} = -1,364$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu lên sức sản xuất của tài sản lưu động

$$\Delta SSX_{TSLDS}(DT) = \frac{DT_{2008}}{TSLD_{2007}} - \frac{DT_{2007}}{TSLD_{2007}} = \frac{11.112.016.152}{4.723.185.072} - \frac{9.565.911.000}{4.762.185.072} = 0,327$$

Khi tài sản lưu động bình quân của công ty tăng thêm 6.532.586.372 đồng đã làm cho sức sản xuất của tài sản ngắn hạn của Công ty giảm đi một lượng là 1,364, điều đó có nghĩa là cứ 1 đồng tài sản lưu động của năm 2008 mang về cho Công ty một khoản doanh thu ít hơn của năm 2007 là 1,364 đồng.

Doanh thu tăng khiến cho sức sản xuất của tài sản ngắn hạn của công ty trong năm 2008 đã tăng thêm 0,327 so với sức sản xuất của tài sản lưu động của công ty năm 2007.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố tài sản lưu động và doanh thu lên sức sản xuất của tài sản lưu động như sau:

$$\Delta SSX_{TSLD} = (-1,364) + 0,327 = -1,037$$

***) Sức sinh lợi của tài sản lưu động**

$$\text{Sức sinh lợi của tài sản lưu động} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Tài sản lưu động bình quân}}$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố tài sản lưu động lên sức sinh lợi của tài sản lưu động.

$$\Delta SSL_{TSLD}(TSLD) = \frac{LN_{2008}}{TSLD_{2008}} - \frac{LN_{2007}}{TSLD_{2007}} = \frac{2.263.590.942}{11.258.771.444} - \frac{2.263.590.942}{4.726.185.072} = -0,278$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố lợi nhuận lên sức sinh lợi của tài sản ngắn hạn

$$\Delta SSL_{TSLD}(DT) = \frac{LN_{2008}}{TSLD_{2007}} - \frac{LN_{2007}}{TSLD_{2007}} = \frac{2.263.590.942}{4.726.185.072} - \frac{1.992.770.580}{4.726.185.072} = 0,058$$

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố tài sản lưu động và lợi nhuận lên sức sinh lợi của tài sản lưu động của Công ty như sau:

$$\Delta SSL_{TSLD} = (-0,278) + 0,058 = -0,22$$

Kết luận: Ta thấy rằng cả sức sản xuất và sức sinh lợi của tài sản lưu động của Công ty năm 2008 đều giảm so với năm 2007 chứng tỏ năm 2008 hiệu quả sử dụng tài sản lưu động thấp hơn so với năm 2007. Công ty sử dụng tài sản lưu động chưa có hiệu quả.

***) Tình hình khoản phải thu.**

Các khoản phải thu là những hóa đơn bán hàng chưa thu tiền về do công ty thực hiện chính sách bán chịu và các khoản tạm ứng chưa thanh toán, khoản trả trước cho người bán...

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Số vòng quay các khoản phải thu được sử dụng để xem xét cẩn thận việc thanh toán các khoản phải thu... Khi khách hàng thanh toán các hóa đơn của họ, lúc đó các khoản phải thu quay được một vòng.

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Các khoản phải thu}}$$

$$\text{Năm 2007: } \frac{DTT_{2007}}{KPT_{bq2007}} = \frac{9.565.911.000}{2.650.318.423} = 3,609 \text{ (Vòng)}$$

$$\text{Năm 2008: } \frac{DTT_{2008}}{KPT_{bq2008}} = \frac{11.112.016.152}{5.700.369.180} = 1,949 \text{ (Vòng)}$$

Tỷ số trên cho ta thấy trong năm 2007 các khoản phải thu luân chuyển 3,609 lần, có nghĩa là bình quân khoản $\frac{360}{3,609} = 99,75$ ngày công ty mới thu hồi được nợ. Năm 2008 các khoản phải thu luân chuyển 1,949 lần, có nghĩa là bình quân khoản $\frac{360}{1,949} = 184,71$ ngày công ty mới thu hồi được nợ.

Nhận thấy hiệu quả sử dụng các khoản phải thu năm sau thấp hơn năm trước, vậy để nâng cao hiệu quả sử dụng các khoản phải thu công ty cần có các biện pháp giảm khoản phải thu sao cho hiệu quả nhất.

***) Tình hình hàng tồn kho.**

Số vòng quay hàng tồn kho là một tiêu chuẩn đánh giá công ty sử dụng hàng tồn kho của mình hiệu quả như thế nào.

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho}}$$

$$\text{Năm 2007: } \frac{GVHB_{2007}}{HTK_{bq2007}} = \frac{6.337.593.184}{25.314.817} = 250,35$$

$$\text{Năm 2008: } \frac{GVHB_{2008}}{HTK_{bq2008}} = \frac{7.433.116.844}{102.257.264} = 72,69$$

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Nhận thấy vòng quay hàng tồn kho bình quân năm 2008 tăng lên so với năm 2007, điều này là ưu điểm trong sản xuất kinh doanh.

3.2.2.3. Hiệu quả sử dụng tổng tài sản

Bảng 3.10: Bảng hiệu quả sử dụng tài sản của công ty

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối(%)
1	Doanh thu thuần	9.565.911.000	11.112.016.152	1.546.105.152	16,16
2	Lợi nhuận sau thuế	1.992.770.580	2.263.590.942	270.820.362	13,59
3	Tổng tài sản	15.184.217.072	22.604.558.564	7.420.341.492	48,87
4	Sức sản xuất (1/3)	0,63	0,49	(0,14)	(22,22)
5	Sức sinh lời (2/3)	0,131	0,100	(0,031)	(23,66)

Sức sản xuất của tổng tài sản năm 2007 là 0,63 có nghĩa là một đồng tổng tài sản của năm 2007 mang lại 0,63 đồng doanh thu. Sức sản xuất của tổng tài sản năm 2008 là 0,49 nghĩa là một đồng tổng tài sản của năm 2008 mang lại 0,49 đồng doanh thu.

Sức sinh lời của tổng tài sản bình quân năm 2007 là 0,131 có nghĩa là một đồng tổng tài sản của năm 2007 mang lại 0,131 đồng lợi nhuận. Sức sản xuất của tổng tài sản bình quân năm 2008 là 0,100 có nghĩa là một đồng tổng tài sản của năm 2008 mang lại 0,100 đồng lợi nhuận.

Sau đây ta sẽ xem xét ảnh hưởng của các nhân tố tổng tài sản và doanh thu/lợi nhuận lên sức sản xuất và sức sinh lời của tổng tài sản.

Các ký hiệu sử dụng:

DT_i, LN_i: doanh thu, lợi nhuận của công ty năm i

TTS_i: Tổng tài sản bình quân năm i

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

ΔSSX_{TTS} , ΔSSL_{TTS} : chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lợi của tổng tài sản năm $i+1$ và năm i

$\Delta SSX_{TTS}(X)$, $\Delta SSL_{TTS}(X)$: chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lợi của tổng tài sản năm $i+1$ và năm i do ảnh hưởng của nhân tố X

***) Sức sản xuất của tổng tài sản**

$$\text{Sức sản xuất của tổng tài sản} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố tổng tài sản lên sức sản xuất của tổng tài sản

$$\Delta SSX_{TTS}(TTS) = \frac{DT_{2007}}{TTS_{2008}} - \frac{DT_{2007}}{TTS_{2007}} = \frac{9.565.911.000}{22.604.558.564} - \frac{9.565.911.000}{15.184.217.072} = -0,207$$

Do tổng tài sản bình quân của công ty năm 2008 tăng so với tổng tài sản bình quân của năm 2007 do đó đã làm cho sức sản xuất của tổng tài sản giảm đi 0,207.

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu lên sức sản xuất của tổng tài sản

$$\Delta SSX_{TTS}(DT) = \frac{DT_{2008}}{TTS_{2008}} - \frac{DT_{2007}}{TTS_{2008}} = \frac{11.112.016.152}{22.604.558.564} - \frac{9.565.911.000}{22.604.558.564} = 0,068$$

Khi xét đến sức sản xuất của bất kỳ yếu tố đầu vào nào, doanh thu luôn là nhân tố làm tăng sức sản xuất của các yếu tố đầu vào đó vì doanh thu năm 2008 tăng 1.546.105.152 đồng so với doanh thu năm 2007. Với sức sản xuất của tổng tài sản, doanh thu tăng đã làm cho sức sản xuất của tổng tài sản tăng lên 0,068.

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố tổng tài sản và doanh thu lên sức sản xuất của tổng tài sản của Công ty như sau:

$$\Delta SSX_{TTS} = (-0,207) + 0,068 = -0,14$$

***) Sức sinh lợi của tổng tài sản**

- Xét ảnh hưởng của nhân tố tổng tài sản lên sức sinh lợi của tổng tài sản

$$\Delta SSL_{TTS}(TTS) = \frac{LN_{2007}}{TTS_{2008}} - \frac{LN_{2007}}{TTS_{2007}} = \frac{1.992.770.580}{22.604.558.564} - \frac{1.992.770.580}{15.184.217.072} = - 0,043$$

Khi tổng tài sản tăng lên một lượng 7.420.341.492 đồng đã làm cho sức sinh lợi của tổng tài sản giảm đi 0,043, có nghĩa là khi tài sản tăng lên 1000 đồng thì làm ảnh hưởng giảm sức sinh lợi của tổng tài sản đi 43 đồng. Như vậy, tổng tài sản ảnh hưởng đến sức sinh lợi của tổng tài sản.

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu lên sức sinh lợi của tổng tài sản

$$\Delta SSL_{TTS}(TTS) = \frac{LN_{2008}}{TTS_{2008}} - \frac{LN_{2007}}{TTS_{2008}} = \frac{2.263.590.942}{22.604.558.564} - \frac{1.992.770.580}{22.604.558.564} = 0,012$$

Do lợi nhuận năm 2008 tăng 270.720.362 đồng làm cho sức sinh lợi của tổng tài sản tăng thêm 0.012.

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố tổng tài sản và lợi nhuận lên sức sinh lợi của tổng tài sản của Công ty như sau:

$$\Delta SSL_{TTS} = (- 0,043) + 0,012 = - 0,031$$

Điều đó có nghĩa là mỗi 1000 đồng tổng tài sản bình quân của năm 2008 sinh lợi ít hơn mỗi 1000 đồng tổng tài sản bình quân của năm 2007 là 31 đồng. Như vậy trong năm 2008 công ty sử dụng tổng tài sản chưa có hiệu quả so với năm 2007, thể hiện ở chỗ cả sức sinh lợi và sức sản xuất của tổng tài sản năm 2007 đều giảm so với cùng chỉ tiêu năm 2007.

3.2.3. Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu

3.2.3.1. Vốn chủ sở hữu của công ty

Vốn chủ sở hữu là số vốn của các chủ sở hữu, các nhà đầu tư góp vốn hoặc hình thành từ kết quả kinh doanh và doanh nghiệp không phải cam kết thanh toán. Tùy theo loại hình doanh nghiệp, vốn chủ sở hữu được hình thành từ

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

nhiều nguồn khác nhau nhưng nói chung có thể quy nguồn hình thành vốn chủ sở hữu từ ba nguồn sau đây:

- Nguồn đóng góp ban đầu và bổ sung của các nhà đầu tư: đây là nguồn chủ sở hữu chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Thực chất, nguồn này là do các nhà đầu tư (các chủ sở hữu) đóng góp tại thời điểm thành lập doanh nghiệp và đóng góp bổ sung thêm trong quá trình kinh doanh.
- Nguồn đóng góp bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh: Thực chất nguồn này là số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các khoản có nguồn gốc từ lợi nhuận như quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ phúc lợi.
- Nguồn vốn chủ sở hữu khác: Nguồn này gồm có khoản thặng dư vốn cổ phần, khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, do được ngân sách cấp thêm kinh phí, do các đơn vị phụ thuộc nộp kinh phí quản lý ...

3.2.3.2. Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu

Hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu là chỉ tiêu rất hữu ích trong việc phân tích khía cạnh tài chính của công ty mà sẽ được đề cập hơn ở phần sau. Hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu đo lường mối quan hệ giữa doanh thu và vốn cổ phần.

Bảng 3.11: Bảng hiệu quả sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu của công ty

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Đơn vị tính: VNĐ	
				Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối(%)
1	Doanh thu thuần	9.565.911.000	11.112.016.152	1.546.105.152	16,16
2	Lợi nhuận sau thuế	1.992.770.580	2.263.590.942	270.820.362	13,59
3	Vốn chủ sở hữu	5.327.653.256	9.200.821.010	3.873.167.754	72,70
4	Sức sản xuất (1/3)	1,796	1,208	(0,588)	(32,74)
5	Sức sinh lời (2/3)	0,374	0,246	(0,128)	(34,22)

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Sức sản xuất của vốn chủ sở hữu năm 2007 là 1,796 có nghĩa là một đồng vốn chủ sở hữu của năm 2007 mang lại 1,796 đồng doanh thu. Sức sản xuất của vốn chủ sở hữu năm 2008 là 1,208 có nghĩa là một đồng vốn chủ sở hữu của năm 2008 mang lại 1,208 đồng doanh thu.

Sức sinh lời của vốn chủ sở hữu năm 2007 là 0,374 có nghĩa là một đồng vốn chủ sở hữu của năm 2007 mang lại 0,374 đồng lợi nhuận. Sức sinh lời của vốn chủ sở hữu năm 2008 là 0,246 có nghĩa là một đồng vốn chủ sở hữu của năm 2008 mang lại 0,246 đồng lợi nhuận.

Ta sẽ phân tích kỹ hơn ảnh hưởng của các nhân tố doanh thu, lợi nhuận và vốn chủ sở hữu tới sức sản xuất và sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu.

Các ký hiệu:

DT_i, LN_i: doanh thu, lợi nhuận của công ty năm i

VCSH_i: Vốn chủ sở hữu trung bình năm i

ΔSSX_{C_{SH}}, ΔSSL_{C_{SH}}: chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu năm i+1 và năm i

ΔSSX_{C_{SH}}(X), ΔSSL_{C_{SH}}(X): chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu năm i+1 và năm i do ảnh hưởng của nhân tố X

***) Sức sản xuất của vốn chủ sở hữu**

$$\text{Sức sản xuất của vốn CSH} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

$$\Delta SSX_{VCSH} = \frac{DT_{2008}}{VCSH_{2008}} - \frac{DT_{2007}}{VCSH_{2007}}$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố vốn chủ sở hữu lên sức sản xuất của vốn chủ sở hữu

$$\Delta SSX_{VCSH}(VCSH) = \frac{DT_{2007}}{VCSH_{2008}} - \frac{DT_{2007}}{VCSH_{2007}} = \frac{9.565.911.000}{9.200.821.010} - \frac{9.565.911.000}{5.327.653.256} = -0,756$$

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Do vốn chủ sở hữu bình quân của năm 2008 đã tăng 3.873.167.754 đồng so với vốn chủ sở hữu bình quân của năm 2007 do đó đã ảnh hưởng đến sức sản xuất của vốn chủ sở hữu, cụ thể đã làm sức sản xuất của vốn chủ sở hữu giảm 0,756 lần.

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu lên sức sản xuất của vốn chủ sở hữu

$$\Delta SSX_{VCSH}(DT) = \frac{DT_{2008}}{VCSH_{2008}} - \frac{DT_{2007}}{VCSH_{2007}} = \frac{11.112.016.154}{9.200.821.010} - \frac{9.565.911.000}{9.200.821.010} = 0,168$$

Doanh thu là một trong hai yếu tố ảnh hưởng đến sức sản xuất của vốn chủ sở hữu. Doanh thu năm 2008 tăng 1.546.105.152 đồng kéo theo sức sản xuất của vốn chủ sở hữu tăng lên 0,168 lần.

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố vốn chủ sở hữu và doanh thu lên sức sản xuất của vốn chủ sở hữu của Công ty như sau:

$$\Delta SSX_{CSH} = (-0,756) + 0,168 = -0,588$$

Điều đó có nghĩa là năm 2008 mỗi đồng vốn chủ sở hữu đầu tư vào kinh doanh đã mang lại cho công ty ít hơn so với năm 2007 là 0,765 đồng doanh thu.

***) Sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu**

$$\text{Sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

$$\Delta SSL_{VCSH} = \frac{LN_{2008}}{VCSH_{2008}} - \frac{LN_{2007}}{VCSH_{2007}}$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố vốn chủ sở hữu lên sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu

$$\Delta SSL_{VCSH}(VCSH) = \frac{LN_{2007}}{VCSH_{2008}} - \frac{LN_{2007}}{VCSH_{2007}} = \frac{1.992.770.580}{9.200.821.010} - \frac{1.992.770.580}{5.327.653.256} = -0,157$$

Tương tự như đối với sức sản xuất của vốn chủ sở hữu, khi vốn chủ sở hữu bình quân năm 2008 tăng so với vốn chủ sở hữu trung bình năm 2007 thì

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu cũng giảm đi, tuy nhiên sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu chỉ giảm 0,157, giảm ít hơn sức sản xuất.

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu lên sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu

$$\Delta SSL_{VCSH}(DT) = \frac{LN_{2008}}{VCSH_{2008}} - \frac{LN_{2007}}{VCSH_{2007}} = \frac{2.263.590.942}{9.200.821.010} - \frac{1.992.770.580}{9.200.821.010} = 0,029$$

Như vậy ảnh hưởng của lợi nhuận tăng lên sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu đã làm tăng sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu thêm 0,029.

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố vốn chủ sở hữu và lợi nhuận lên sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu của Công ty:

$$\Delta SSL_{CSH} = (-0,157) + 0,129 = -0,128$$

Tổng hợp cả ảnh hưởng của vốn chủ sở hữu và doanh thu, lợi nhuận lên sức sản xuất và sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu đã làm sức sản xuất và sức sinh lợi của vốn chủ sở hữu của công ty giảm. Như vậy, năm 2008 công ty đã sử dụng vốn chủ sở hữu chưa có hiệu quả

3.2.4. Hiệu quả sử dụng chi phí

* *Quan hệ giữa sức sản xuất và sức sinh lợi của chi phí*

$$SSX_{CP} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Chi phí}}$$

$$SSL_{CP} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Chi phí}} = \frac{\text{Doanh thu} - \text{Chi phí}}{\text{Chi phí}} = SSX_{CP} - 1$$

$$\Delta SSL_{CP} = SSL_{CP}^{i+1} - SSL_{CP}^i = SSX_{CP}^{i+1} - 1 - SSX_{CP}^i - 1 = \Delta SSX_{CP}$$

Như vậy ta thấy rằng sức sản xuất của chi phí và sức sinh lợi của chi phí có quan hệ với nhau. Tăng / giảm sức sản xuất của chi phí bằng tăng / giảm giữa sức sinh lợi của chi phí.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Bảng 3.12: Bảng biến động chi phí của công ty

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối(%)
1	Giá vốn hàng bán	6.337.593.184	7.433.116.844	1.095.523.660	17,29
2	CPBH và CPQLDN	460.580.900	535.023.000	74.442.100	16,16
3	Chi phí khác				
4	Tổng chi phí	6.798.174.084	7.968.139.844	1.169.965.760	17,21

Bảng 3.13: Bảng hiệu quả sử dụng chi phí của công ty

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối(%)
1	Doanh thu thuần	9.565.911.000	11.112.016.152	1.546.105.152	16,16
2	Lợi nhuận	2.767.736.916	3.143.876.308	376.139.392	13,59
3	Tổng chi phí	6.798.174.084	7.968.139.844	1.169.965.760	17,21
4	Sức sản xuất (1/3)	1,408	1,395	(0,013)	(0,92)
5	Sức sinh lời (2/3)	0,408	0,395	(0,013)	(3,19)

Sức sản xuất của chi phí năm 2007 là 1,408 có nghĩa là một đồng chi phí của năm 2007 mang lại 1,408 đồng doanh thu. Sức sản xuất của chi phí năm 2008 là 1,395 có nghĩa là một đồng chi phí năm 2008 mang lại 1,395 đồng doanh thu.

Sức sinh lời của chi phí năm 2007 là 0,408 có nghĩa là một đồng chi phí của năm 2007 mang lại 0,408 đồng lợi nhuận. Sức sinh lời của chi phí năm 2008 là 0,395 có nghĩa là một đồng chi phí năm 2008 mang lại 0,395 đồng lợi nhuận.

Sức sản xuất và sức sinh lời của tổng chi phí chịu tác động của hai nhân tố: tổng chi phí và doanh thu / lợi nhuận. Sau đây ta sẽ xét ảnh hưởng của từng nhân tố đến sức sản xuất và sức sinh lời của tổng chi phí.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Các ký hiệu sử dụng:

DT_i, LN_i: doanh thu, lợi nhuận của công ty năm i

TCP_i: Tổng chi phí năm i

ΔSSX_{TCP}, ΔSSL_{TCP}: chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lợi của tổng chi phí năm i+1 và năm i

ΔSSX_{TCP(X)}, ΔSSL_{TCP(X)}: chênh lệch sức sản xuất và sức sinh lợi của lao động năm i+1 và năm i do ảnh hưởng của nhân tố X

***) Sức sản xuất của tổng chi phí**

$$\text{Sức sản xuất của chi phí} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng chi phí}}$$

- Xét ảnh hưởng của nhân tố tổng chi phí lên sức sản xuất của tổng chi phí

$$\Delta SSX_{TCP} \quad TCP = \frac{DT_{2007}}{TCP_{2008}} - \frac{DT_{2007}}{TCP_{2007}} = \frac{9.565.911.000}{7.968.139.844} - \frac{9.565.911.000}{6.798.174.084} = -0,207$$

Do tổng chi phí của năm 2008 đã tăng 1.169.965.760 đồng so với tổng chi phí của năm 2007 do đó đã làm cho sức sản xuất của tổng chi phí giảm đi 0,207.

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu lên sức sản xuất của tổng chi phí

$$\Delta SSX_{TCP} \quad DT = \frac{DT_{2008}}{TCP_{2008}} - \frac{DT_{2007}}{TCP_{2008}} = \frac{11.112.016.152}{7.968.139.844} - \frac{9.565.911.000}{7.968.139.844} = 0,194$$

Doanh thu luôn là nhân tố ảnh hưởng làm tăng sức sản xuất của các yếu tố đầu vào vì doanh thu năm 2008 tăng 1.546.105.152 đồng so với doanh thu năm 2007. Với sức sản xuất của tổng chi phí, doanh thu tăng đã làm cho sức sản xuất của tổng chi phí tăng lên 0,194.

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố tổng chi phí và doanh thu lên sức sản xuất của tổng chi phí của Công ty như sau:

$$\Delta SSX_{TCP} = (-0,207) + 0,194 = -0,013$$

***) Sức sinh lợi của tổng chi phí**

- Xét ảnh hưởng của nhân tố tổng chi phí lên sức sinh lợi của tổng chi phí

$$\Delta SSL_{TCP} = \frac{LN_{2007}}{TCP_{2008}} - \frac{LN_{2007}}{TCP_{2007}} = \frac{2.767.736.916}{7.968.139.844} - \frac{2.767.736.916}{6.798.174.084} = - 0,060$$

Khi tổng chi phí tăng lên một lượng 1.169.965.760 đồng đã làm cho sức sinh lợi của tổng chi phí giảm đi 0,06 lần.

- Xét ảnh hưởng của nhân tố lợi nhuận lên sức sinh lợi của tổng chi phí

$$\Delta SSL_{TCP}^{DT} = \frac{LN_{2008}}{TCP_{2008}} - \frac{LN_{2007}}{TCP_{2008}} = \frac{3.143.876.308}{7.968.139.844} - \frac{2.767.736.916}{7.968.139.844} = 0,047$$

Do lợi nhuận năm 2008 tăng 376.139.392 đồng làm cho sức sinh lợi của tổng chi phí tăng lên 0,047 lần.

Tổng hợp ảnh hưởng của cả hai nhân tố tổng chi phí và lợi nhuận lên sức sinh lợi của tổng chi phí của Công ty như sau:

$$\Delta SSX_{CSH} = (- 0,06) + 0,047 = - 0,013$$

Nhận xét: Sức sinh lời và sức sản xuất của chi phí năm 2008 giảm so với năm 2007. Như vậy doanh nghiệp đã sử dụng chi phí chưa có hiệu quả. Doanh nghiệp cần có biện pháp sử dụng và quản lý chi phí tốt hơn để có những kết quả tốt trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

CHƯƠNG 4: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BIA TÂY ÂU

4.1. Đánh giá hiện trạng công ty

Sau khi phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty Cổ Phần Bia Tây Âu ta thấy được hiệu quả kinh doanh của công ty qua bảng tổng kết chỉ tiêu về sức sản xuất và sức sinh lợi của các yếu tố đầu vào như sau:

Bảng 4.1: Tổng hợp các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch
I	Hiệu quả sử dụng lao động			
1	Sức sản xuất của lao động	111.231.523	123.466.846	12.235.323
2	Sức sinh lời của lao động	23.171.751	25.151.010	1.979.259
II	Hiệu quả sử dụng tài sản			
1	Sức sản xuất của tổng TS	0,63	0,49	(0,14)
2	Sức sinh lời của tổng TS	0,131	0,100	(0,031)
3	Sức sản xuất của TSLĐ	2,204	0,987	(1,037)
4	Sức sinh lời của TSLĐ	0,421	0,201	(0,220)
5	Sức sản xuất của TSCĐ	0,92	0,98	0,06
6	Sức sinh lợi của tài TSCĐ	0,192	0,200	0,008
III	Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu			
1	Sức sản xuất của vốn CSH	1,796	1,208	(0,588)
2	Sức sinh lời của vốn CSH	0,374	0,246	(0,128)
IV	Hiệu quả sử dụng chi phí			
1	Sức sản xuất của chi phí	1,408	1,395	(0,013)
2	Sức sinh lời của chi phí	0,408	0,395	(0,013)

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Tất cả các chỉ tiêu được phân tích đều cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty năm 2008 đạt hiệu quả chưa cao so với năm 2007, thể hiện qua sức sản xuất và sức sinh lời của các yếu tố đầu vào đều có xu hướng giảm xuống.

Tuy doanh thu, lợi nhuận của công ty đều tăng rõ rệt cho thấy trong năm 2008 hoạt động kinh doanh của công ty có hiệu quả, nhưng khi phân tích kỹ thu nhập của công ty ta thấy rằng còn tồn tại sự chưa hợp lý trong cơ cấu thu nhập của công ty, nếu khắc phục được thì có thể nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh của công ty.

Việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh là rất quan trọng. Vấn đề đặt ra là phải tìm mọi biện pháp vận dụng để nâng cao kết quả và hiệu quả hoạt động trong thời gian tới. Các biện pháp này sẽ hoàn toàn khác nhau trong từng giai đoạn, từng địa điểm và từng doanh nghiệp. Xuất phát từ thực tế đó, ta thấy hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty Cổ Phần Bia Tây Âu chưa thực sự có hiệu quả, mặc dù doanh thu và lợi nhuận của năm sau có cao hơn so với năm trước. Doanh nghiệp đã đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh, song các biện pháp đó chưa thực sự là tốt nhất trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Vậy sau khi phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Cổ Phần Bia Tây Âu, em nhận thấy phải có một số bổ xung trong các biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

4.2. Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty Cổ Phần Bia Tây Âu

4.2.1. Biện pháp 1: Giảm các khoản phải thu

4.2.1.1. Cơ sở của biện pháp

Giảm tỷ trọng các khoản phải thu, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng khả năng thanh toán tức thời.

Qua phân tích ở trên ta thấy: Vòng quay các khoản phải thu năm 2007 là 3,609, Vòng quay các khoản phải thu năm 2008 là 1,949. Tương ứng với kỳ thu tiền bình quân của năm 2007 là 99,75, kỳ thu tiền bình quân của năm 2008 là 184,71. Số ngày thu hồi các khoản phải thu năm 2008 tăng thêm 85,17%.

Qua trên ta thấy khoản phải thu của doanh nghiệp khá lớn và nhất là khoản phải thu của khách hàng có xu hướng tăng vì vậy doanh nghiệp phải có biện pháp để thu hồi công nợ để tăng thêm vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm chi phí do công ty thiếu vốn phải đi vay ngân hàng. Trong điều kiện hiện nay doanh nghiệp cần nỗ lực tăng nhanh vòng quay vốn, giảm thiểu khoản phải thu, rút ngắn kỳ thu tiền bình quân cũng như duy trì tốt mối quan hệ với bạn hàng. Do vậy cần áp dụng các biện pháp để thu hồi vốn.

4.2.1.2. Mục đích của biện pháp

Hạn chế tình trạng bị chiếm dụng vốn và cải thiện hiệu quả sử dụng vốn, vì vậy cần có các biện pháp giảm các khoản phải thu.

Đẩy mạnh thu hồi vốn, tăng vòng quay vốn lưu động.

Ngoài ra, việc áp dụng chiết khấu, kích thích khách hàng thanh toán sớm sẽ giúp doanh nghiệp giảm nguy cơ phát sinh các khoản nợ quá hạn, nợ khó đòi.

4.2.1.3. Nội dung của biện pháp

Công ty có tỷ trọng các khoản phải thu tương đối cao, chiếm 56,08% tài sản ngắn hạn năm 2007 và 50,63% tài sản ngắn hạn năm 2008. Công ty cần sử dụng các biện pháp để giảm các khoản phải thu này.

Muốn giảm các khoản phải thu, ta giảm tài khoản “phải thu khách hàng”, “các khoản phải thu khác”. Tuy nhiên ta thấy tốc độ tăng của các khoản phải thu khách hàng khá cao, số ngày thu hồi vốn cao. Vì vậy công ty muốn rút ngắn kỳ thu tiền bình quân có thể áp dụng biện pháp chiết khấu thanh toán đối với khách hàng thanh toán trước hợp đồng và đối với khách hàng truyền thống.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Qua bảng cân đối kế toán cho thấy các khoản phải thu khách hàng của công ty có sự tăng lên mạnh mẽ. Năm 2008 là 5.700.369.180 đồng, năm 2007 là 2.650.318.423 đồng. Do đó để nhanh chóng thu hồi các khoản phải thu và hạn chế các chi phí không cần thiết công ty cần giảm “các khoản phải thu”. Công ty nên áp dụng các biện pháp.

- Mở sổ theo dõi chi tiết các khoản phải thu thường của khách hàng, thường xuyên kiểm tra đơn đốc thu hồi đúng hạn.
- Trong hợp đồng bán hàng cần quy định rõ ràng chặt chẽ về thời hạn và phương thức thanh toán, nếu vượt quá thời hạn thanh toán theo hợp đồng thì công ty sẽ thu được lại tương ứng với lãi suất quá hạn của ngân hàng.
- Phân loại các khoản nợ quá hạn, tìm nguyên nhân của từng khoản nợ để có các biện pháp xử lý thích hợp như gia hạn nợ, thỏa ước xử lý nợ, xóa một phần nợ cho khách hoặc yêu cầu tòa án kinh tế giải quyết theo thủ tục phá sản doanh nghiệp.

Bảng kiểm kê chi tiết công nợ

STT	Hồ sơ	Tên khách hàng	Thời gian nợ	Số tiền nợ	Biên bản nợ	Diễn giải
1.						
2.						
3.						
4.						

Ngoài ra đối với từng loại nợ ta áp dụng chính sách phù hợp để thu hồi.

***) Kết quả của biện pháp**

Doanh nghiệp nên có phần thưởng khuyến khích cho những nhân viên của doanh nghiệp làm công việc đòi nợ (hiện nay những nhân viên làm nhiệm vụ này là nhân viên thuộc phòng tài chính – kế toán), thường xuyên và tích cực

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

nhắc nhở và đòi khách hàng thanh toán đúng hạn một cách khéo léo để duy trì mối quan hệ làm ăn lâu dài nhưng vẫn đảm bảo vốn của doanh nghiệp không bị chiếm dụng. Phần thưởng cho việc đòi nợ là 1% khoản thu về.

Giả sử khi áp dụng biện pháp này, thu hồi được 50% nợ, số tiền thu về là:

$$50\% * 4.456.800.750 = 2.228.400.375 \text{ đồng}$$

Chi phí đòi được 50% số nợ là:

$$2.228.400.375 * 1\% = 22.284.004 \text{ đồng}$$

- Đánh giá hiệu quả của biện pháp.

Khoản thu được của biện pháp thu hồi nợ sau khi trừ chi phí là:

$$2.228.400.375 - 22.284.004 = 2.206.116.371 \text{ đồng}$$

Thu hồi được khoản tiền này công ty sẽ giảm được chi phí lãi vay sẽ phát sinh. Nếu công ty cần vay vốn của ngân hàng. Ngoài ra thu hồi được nợ thường xuyên càng sớm thì càng giảm nguy cơ chuyển thành nợ khó đòi.

Các khoản phải thu khách hàng sau khi thực hiện biện pháp là: 2.228.400.375 đồng.

Các khoản phải thu sau khi thực hiện biện pháp là:

$$5.700.369.180 - 2.228.400.375 = 3.471.968.805 \text{ đồng.}$$

Nhờ thực hiện biện pháp trên mà công ty đã tiết kiệm được 2.228.400.375 đồng làm các khoản phải thu giảm từ 5.700.369.180 đồng xuống còn 3.471.968.805 đồng. Ta sẽ đánh giá hiệu quả này thông qua việc tính toán các chỉ tiêu trước và sau khi thực hiện.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Bảng dự tính kết quả sau khi giảm các khoản phải thu

Chỉ tiêu	ĐVT	Trước khi thực hiện	Sau khi thực hiện	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tỷ lệ(%)
1. Khoản phải thu	VNĐ	5.700.369.180	3.471.968.805	(2.228.400.375)	(39,09)
2. Vòng quay KPT	Vòng	1,949	3,201	1,252	64,24
3. Vốn lưu động bình quân	Đồng	11.258.771.444	9.030.371.065	(2.228.400.375)	(19,79)
4. SSX của VLĐ	Lần	0,987	1,231	0,244	24,72
5. SSL của VLĐ	Lần	0,201	0,251	0,05	24,88

Như vậy việc thực hiện biện pháp trên đã giúp công ty tăng sức sản xuất của vốn lưu động thêm 0,244 đồng tương ứng với 24,72%. Do vậy đã nâng cao được sức sinh lời của vốn lưu động thêm 0,05 đồng tương ứng với 24,88%. Trong điều kiện doanh thu vẫn được đảm bảo thì việc giảm các khoản phải thu góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động làm cho sức sản xuất của vốn lưu động tăng và sức sinh lời của vốn lưu động cũng tăng lên.

4.2.2. Biện pháp 2: Xác định đúng nhu cầu vốn lưu động

4.2.2.1. Cơ sở của biện pháp

Qua việc phân tích thực trạng kinh doanh của công ty ở chương 3 cho ta thấy việc sử dụng vốn lưu động của công ty nói chung mang lại hiệu quả, tuy nhiên hiệu quả đó chưa thật cao.

Cụ thể năm 2007 lượng vốn lưu động của công ty là 4.726.185.072 đồng và năm 2008 là 11.258.771.444 đồng.

Số vòng quay vốn lưu động năm 2007 là 2,024 vòng.

Số vòng quay vốn lưu động năm 2008 là 0,9869 vòng.

Số vòng quay vốn lưu động năm 2008 giảm so với năm 2007 là 1,0371 vòng. Chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn lưu động giảm.

4.2.2.2. Mục đích của biện pháp

Xác định nhu cầu vốn lưu động thường xuyên để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được tiến hành liên tục, tiết kiệm và có hiệu quả kinh tế cao.

4.2.2.3. Nội dung và kết quả của biện pháp

Để xác định nhu cầu vốn lưu động cho kế hoạch ta áp dụng phương pháp xác định nhu cầu vốn lưu động gián tiếp vì nó tương đối đơn giản, giúp doanh nghiệp ước tính được nhanh chóng nhu cầu vốn lưu động năm kế hoạch để xác định nguồn tài trợ phù hợp với điều kiện kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.

Công thức tính:

$$V_{nc} = V_{Ldo} \times \frac{M_1}{M_0} \times (1 \pm t\%)$$

Trong đó:

V_{nc} : Nhu cầu vốn lưu động năm kế hoạch.

M_1, M_0 : Tổng mức luân chuyển vốn lưu động năm kế hoạch và năm thực hiện

V_{Ldo} : Vốn lưu động năm thực hiện.

$t\%$: Tỷ lệ tăng (giảm) số ngày luân chuyển vốn lưu động năm kế hoạch so với năm thực hiện.

Tỷ lệ tăng giảm số ngày luân chuyển vốn lưu động năm kế hoạch so với năm thực hiện được xác định theo công thức.

$$t\% = \frac{K_1 - K_0}{K_0}$$

Trong đó:

K_1 : Kỳ luân chuyển vốn lưu động năm kế hoạch

K_0 : Kỳ luân chuyển vốn lưu động năm báo cáo.

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

Với công thức trên ta có thể tính được nhu cầu vốn lưu động của công ty trong năm 2008 như sau:

Doanh nghiệp có vốn lưu động năm 2007 là 4.726.185.072 đồng, doanh thu đạt 9.565.911.000 đồng. Nếu năm 2008 công ty vẫn giữ nguyên kỳ luân chuyển vốn như năm 2007 (tức là $t\% = 0$) với doanh thu năm 2008 là 11.112.016.152 đồng. Vậy lượng vốn lưu động bình quân cần thiết cho công ty trong năm 2008 là:

$$V_{cn} = 4.726.185.072 \times \frac{11.112.016.152}{9.565.911.000} = 5.490.062.041 \text{ (đồng)}$$

Như vậy để đạt được doanh thu là 11.112.016.154 đồng thì công ty cần lượng vốn lưu động là 5.490.062.041 đồng.

Bảng dự kiến kết quả sau khi thực hiện biện pháp

Chi tiêu	ĐVT	Trước khi thực hiện	Sau khi thực hiện	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tỷ lệ(%)
1. Vốn lưu động bình quân	Đồng	7.992.448.258	5.108.123.557	(2.884.324.702)	(36,09)
2.Số vòng quay vốn lưu động	Vòng	1,390	2,175	0,785	56,47
3. Số ngày 1 vòng quayVLD	Ngày/vòng	258,99	165,52	(93,47)	(36,09)
4. SSL của vốn lưu động	Lần	0,283	0,443	0,160	56,54
5. SSX của vốn lưu động	Lần	1,390	2,175	0,785	56,47

Như vậy sau khi thực hiện biện pháp trên ta thấy số vòng quay của vốn lưu động tăng lên. Sức sản xuất và sức sinh lời của vốn lưu động cũng tăng lên làm cho việc sử dụng vốn lưu động của công ty có hiệu quả hơn.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường cạnh tranh khắc nghiệt. Hoàn thiện công tác phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh là một trong những vấn đề trung tâm của công tác quản lý doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn lưu động có vai trò quan trọng giúp cải thiện tình hình tài chính, nâng cao lợi nhuận và sức cạnh tranh của công ty.

Được sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo T.s Nghiêm Sĩ Thương, em đã hoàn thành đồ án tốt nghiệp với đề tài “Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty Cổ Phần bia Tây Âu”. Đồ án gồm 4 chương như em đã nêu ở phần mở đầu.

Trong đề tài của mình em đã áp dụng được những kiến thức đã được học, bước đầu nghiên cứu thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Cổ Phần bia Tây Âu và đã nêu được những thành công, hạn chế của công ty. Trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Tuy nhiên, vì thời gian thực tập cũng như các hiểu biết trong lĩnh vực này còn nhiều hạn chế, nên đồ án tốt nghiệp của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự hướng dẫn đóng góp của các thầy cô để đồ án tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong khoa Quản Trị Kinh Doanh – Trường ĐHDL Hải Phòng đã giúp đỡ em trong thời gian học tập tại trường. Đặc biệt em xin chân thành cảm ơn thầy giáo T.s Nghiêm Sĩ Thương Trường Đại Học Bách Khoa Hà Nội đã tận tình hướng dẫn để đồ án tốt nghiệp của em hoàn thành đúng thời gian quy định theo các nội dung yêu cầu mà nhà trường đề ra.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, Ngày ... Tháng ... Năm ...

Sinh Viên

Nguyễn Thị Hường

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài giảng môn “Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh” của cô giáo Hòa Thị Thanh Hương – Trường ĐHDL Hải Phòng.
2. Giáo trình “Phân tích hoạt động kinh doanh” Nhà xuất bản thống kê Hà Nội năm 2001.
3. Giáo trình “Quản trị tài chính doanh nghiệp” của T.s Nguyễn Đăng Nam và PGS-TS Nguyễn Đình Kiệt Nhà xuất bản tài chính năm 2001.
4. Luận văn của các anh chị khóa trước trường bách khoa Hà Nội và trường ĐHDL Hải Phòng.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Nghĩa của từ
SXKD	Sản xuất kinh doanh
VCSH	Vốn chủ sở hữu
SSX	Sức sản xuất
SSL	Sức sinh lợi
HĐQT	Hội đồng quản trị
PGĐ	Phó giám đốc
KH-TC-KT	Kế hoạch-Tài chính-Kế toán
TT & BH	Tiếp thị và bán hàng
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
TSLĐ	Tài sản lưu động
TSCĐ	Tài sản cố định
Npt	Nợ phải trả
TTS	Tổng tài sản
TM	Tiền mặt
VNH	Vay ngắn hạn
LN	Lợi nhuận
DTT	Doanh thu thuần
LĐ	Lao động
KPT	Khoản phải thu
HTK	Hàng tồn kho
CPBH & CPQLDN	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
ĐVT	Đơn vị tính

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	3
1.1. Giới thiệu chung.....	3
1.1.1. Khái niệm về hiệu quả kinh doanh.....	3
1.1.2. Phân biệt kết quả và hiệu quả.....	5
1.1.2.1. Kết quả	5
1.1.2.2. Hiệu quả	6
1.1.3. Phân loại hiệu quả kinh doanh	6
1.1.4. Khái niệm về phân tích hiệu quả kinh doanh.....	7
1.1.5. Vai trò của phân tích hiệu quả kinh doanh.....	8
1.2. Các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh.....	9
1.2.1. Phương pháp so sánh.....	10
1.2.2. Phương pháp thay thế liên hoàn	11
1.2.3. Phương pháp liên hệ.....	13
1.2.4. Phương pháp đồ thị	13
1.2.5. Phương pháp phân tổ.....	13
1.3. Hệ thống các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh	14
1.3.1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh tổng quát	14
1.3.2. Các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh tổng hợp.....	14
1.3.3. Nhóm chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh bộ phận	15
1.3.3.1. Hiệu quả sử dụng lao động.....	15
1.3.3.2. Hiệu quả sử dụng tài sản	16
1.3.3.3. Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu.....	18
1.3.3.4. Hiệu quả sử dụng chi phí	20
1.4. Cơ sở phân tích.....	22
1.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.....	22
1.5.1. Các nhân tố bên ngoài doanh nghiệp	22
1.5.2. Các nhân tố bên trong doanh nghiệp.....	24

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

1.6. Phương hướng, biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh	26
1.6.1. Đối với nhóm chỉ tiêu hiệu quả sử dụng lao động	26
1.6.2. Đối với nhóm chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn	27
1.6.3. Giảm chi phí	27
CHƯƠNG 2: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH Ở	28
2.1. Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp	28
2.2. Chức năng và nhiệm vụ của doanh nghiệp	29
2.3. Công nghệ sản xuất một số mặt hàng chủ yếu	29
2.3.1. Giới thiệu quy trình công nghệ sản xuất	29
2.3.2. Các bước công việc trong quy trình công nghệ	31
2.4. Hình thức tổ chức sản xuất và kết cấu sản xuất của doanh nghiệp	31
2.4.1. Hình thức tổ chức sản xuất ở doanh nghiệp	31
2.4.2. Kết cấu sản xuất của doanh nghiệp	31
2.5. Tình hình lao động, tiền lương	34
2.5.1. Cơ cấu lao động	34
2.5.2. Phương pháp xây dựng định mức thời gian lao động	36
2.6. Tình hình quản lý vật tư, tài sản cố định	36
2.6.1. Các loại nguyên vật liệu dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh	36
2.6.2. Cách xây dựng mức sử dụng nguyên vật liệu	36
2.6.3. Tình hình sử dụng nguyên vật liệu	38
2.6.4. Tình hình tài sản cố định	38
2.7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	40
2.7.1. Giới thiệu các loại hàng hoá của công ty	40
2.7.2. Số liệu về số lượng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ (bằng hiện vật và giá trị) của các mặt hàng qua các thời kỳ	40
2.7.3. Đối thủ cạnh tranh, thị phần	41
2.7.4. Báo cáo kết quả sản xuất kinh của công ty CP bia Tây Âu năm 2008	43
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT	45
3.1. Các thông tin để phân tích	45
3.1.1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn	47
3.1.2. Khả năng thanh toán	49

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bia Tây Âu

3.1.3. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tổng hợp	50
3.2. Phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh	51
3.2.1. Phân tích hiệu quả sử dụng lao động	51
3.2.2. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản	55
3.2.2.1. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định	55
3.2.2.2. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản lưu động.....	59
3.2.2.3. Hiệu quả sử dụng tổng tài sản	63
3.2.3. Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu.....	65
3.2.3.1. Vốn chủ sở hữu của công ty.....	65
3.2.3.2. Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu	66
3.2.4. Hiệu quả sử dụng chi phí	69
CHƯƠNG 4: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BIA TÂY ÂU	73
4.1. Đánh giá hiện trạng công ty	73
4.2. Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty Cổ Phần Bia Tây Âu.....	74
4.2.1. Biện pháp 1: Giảm các khoản phải thu.....	74
4.2.1.1. Cơ sở của biện pháp	74
4.2.1.2. Mục đích của biện pháp	75
4.2.1.3. Nội dung của biện pháp.....	75
4.2.2. Biện pháp 2: Xác định đúng nhu cầu vốn lưu động.....	78
4.2.2.1. Cơ sở của biện pháp	78
4.2.2.2. Mục đích của biện pháp	79
4.2.2.3. Nội dung và kết quả của biện pháp	79
KẾT LUẬN	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	82
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	83